

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



Luôn luôn đồng hành - Luôn luôn sẻ chia





MỤC LỤC

01

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02

PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và tình hình thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

03

PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu sản xuất, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

04

PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024

05

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khóa lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

06

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính đã kiểm toán



PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

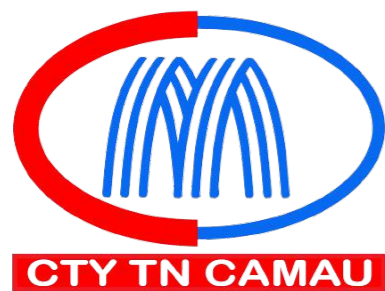
Định hướng phát triển

Các rủi ro

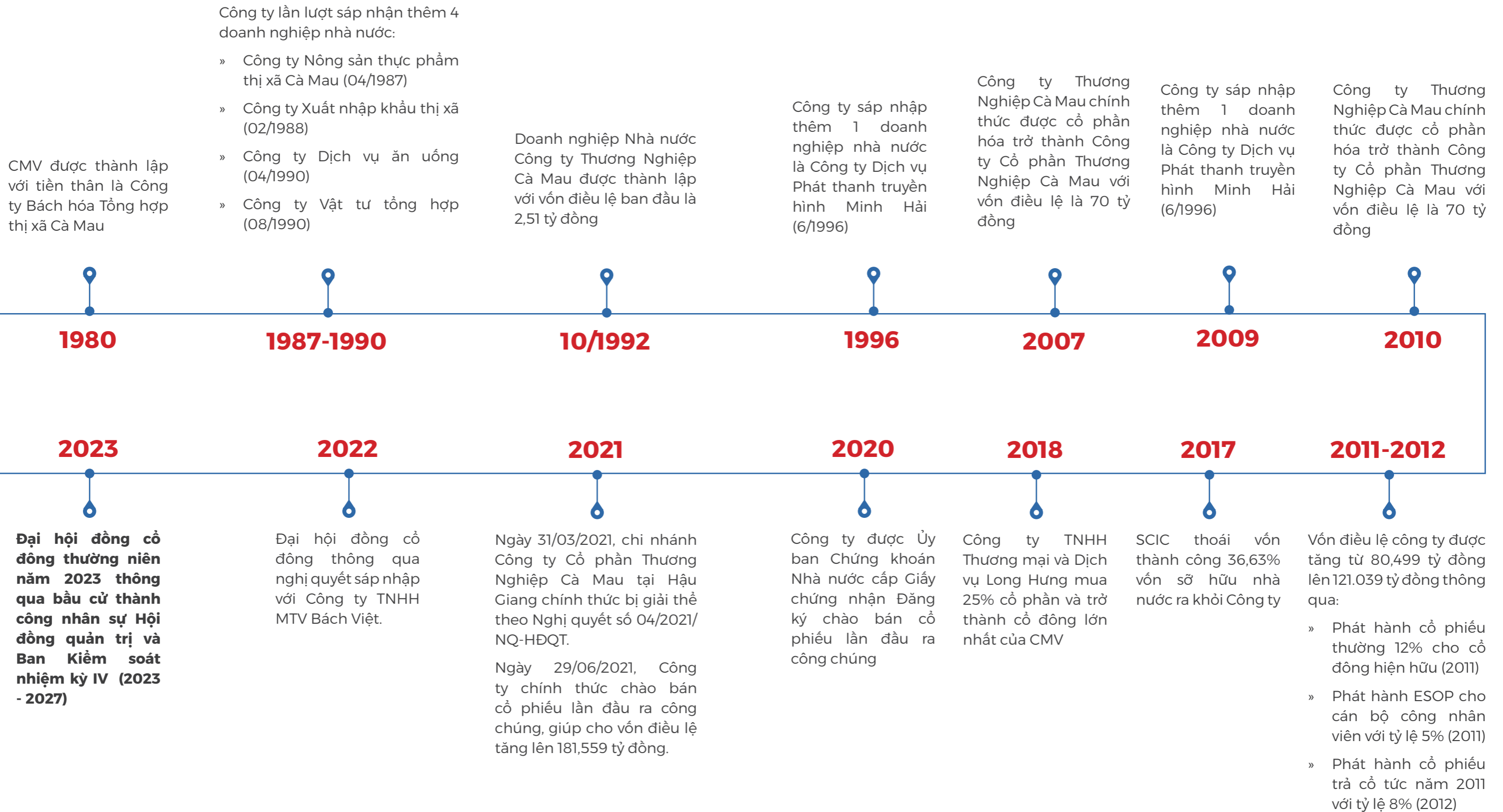
THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Tên doanh nghiệp	: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
Tên doanh nghiệp quốc tế	: CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY
Tên doanh nghiệp viết tắt	: CAMEX
Giấy chứng nhận ĐKDN	: số 2000110221 (số cũ 56103000105) do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần 19 ngày 03/07/2023
Mã cổ phiếu	: CMV
Vốn điều lệ	: 181.558.680.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	: 181.558.680.000 VNĐ
Trụ sở chính	: Số 70 -72 Đường Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Số điện thoại	: (0290) 3 822 772 - 3 839 220
Số fax	: (0290) 3 834 358
Website	: www.tncm.com.vn
Logo	:



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

NĂM	GIẢI THƯỞNG
	Nhận được Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.
	Trong những năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng Chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.
2005 - 2010	Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.
	Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam).
	Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).
	Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2011, 2012, 2013 và năm 2015 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).
	Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2012, 2013.
	Ngày 27/01/2014, Hội khuyến học TP. Cà Mau tặng Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau giấy khen vì đơn vị đã nhiều năm liên hỗ trợ cho quỹ trợ cấp sinh viên vượt khó hiếu học của Phường 8, TP. Cà Mau.
	Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau ngày 13/02/2014 về thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2013.
2010 - 2015	Bằng khen Số 625/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cà Mau (1999 - 2014).
	Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 30/05/2014 Của UBND tỉnh Cà Mau về việc tặng cờ thi đua khối XIV (hạng nhì).
	Quyết định số 43/QĐ-BHXH ngày 15/01/2015 của BHXH Việt Nam về thành tích "Thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2014".
	Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 18/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2014"

NĂM	GIẢI THƯỞNG
	Công ty được xếp hạng nằm trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành.
	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau khen thưởng thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2018.
2015 - 2020	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tặng Bằng khen cho đơn vị có thành tích tích cực đóng góp, hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2018.
	Quyết định của Bộ Công thương về việc tặng thưởng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ Công thương hưởng ứng cuộc Vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2009 - 2019.
2021	Công ty xếp hạng 294 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2021 và xếp hạng 156 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2021 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành.
2022	Công ty xếp hạng 326 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2022 và xếp hạng 192 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2021 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành.
06/2023	TOP 364 IR AWARDS Doanh nghiệp niêm yết đạt Chuẩn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Bán buôn xăng, dầu (dầu, dầu nhờn), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình gas (Chính)
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng
- ✓ Bán buôn rượu, bia, nước giải khát và hàng công nghệ thực phẩm
- ✓ Bán buôn hóa mỹ phẩm, xà phòng và chất tẩy rửa các loại
- ✓ Bán buôn thuốc lá điếu các loại
- ✓ Bán buôn hàng kim khí điện máy; các mặt hàng gia dụng; xe gắn máy và phụ tùng xe gắn máy; máy và phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy
- ✓ Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- ✓ Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông
- ✓ Bán buôn vải hàng may sẵn, hàng may mặc giày dép, hàng da và giả da
- ✓ Bán buôn sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng, băng đĩa hình
- ✓ Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa

Địa bàn kinh doanh

Quy mô hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu ở Tỉnh Cà Mau. Công ty hiện có 5 chi nhánh tập trung ở hai trung tâm kinh tế lớn của đất nước là thành phố Hồ Chí Minh và Đồng bằng sông Cửu Long.

Chi nhánh TP.HCM

Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Kiên Giang

Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Chi nhánh Sóc Trăng

Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

Chi nhánh Bạc Liêu

Lô B6, đường D1, Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu

Chi nhánh Năm Căn

Số 607, đường Nguyễn Tất Thành, Khóm Cái Nai, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn

Trụ sở chính

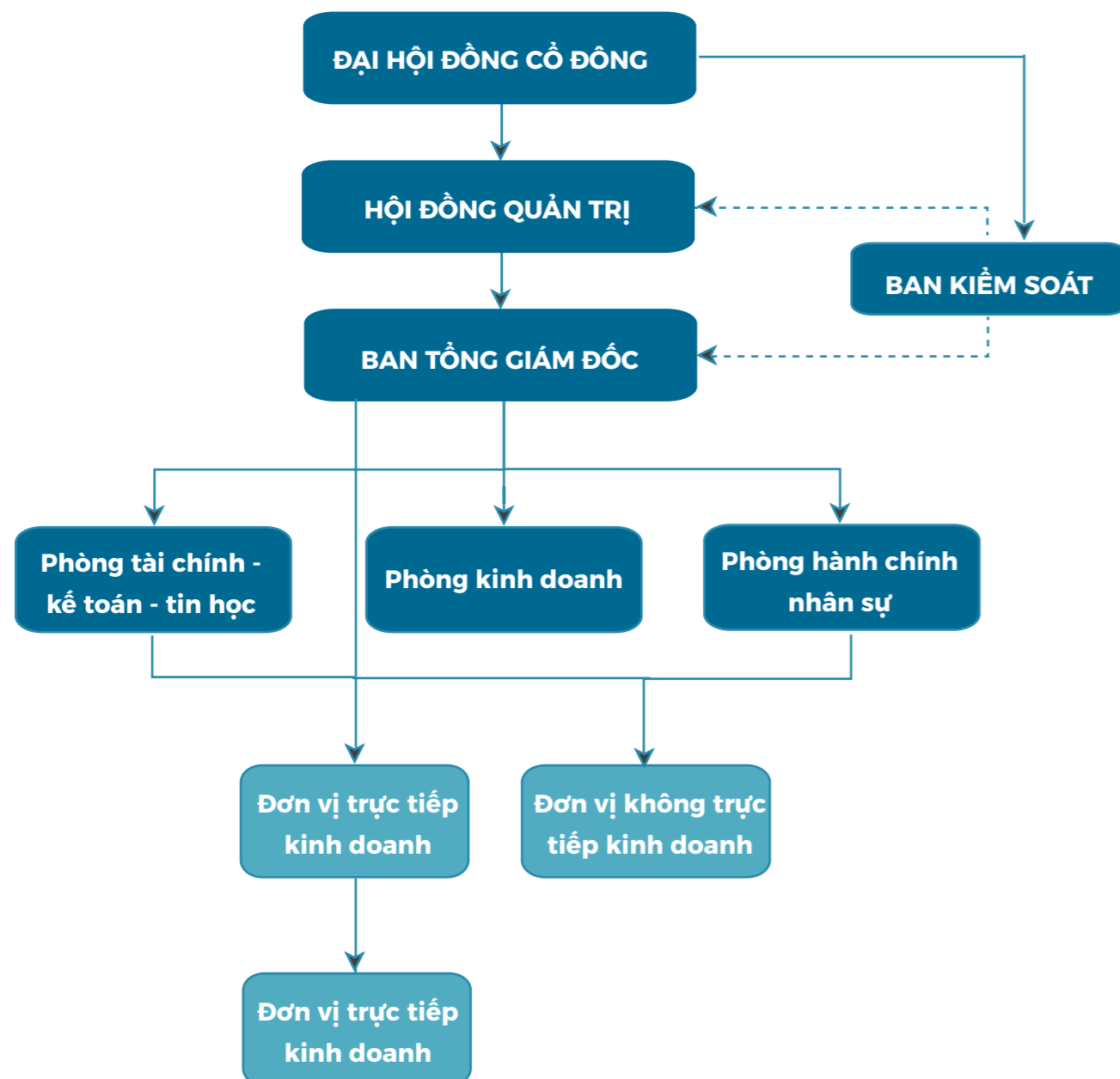
Số 70 - 72, đường Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tổ chức mô hình quản trị bao gồm các bộ phận: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.



Cơ cấu bộ máy quản lý



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề trọng yếu trong công ty và có quyền quyết định bộ máy tổ chức quản lý theo đúng với Điều lệ của công ty và nằm trong khuôn khổ pháp luật. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông còn có thể thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để quyết định cơ cấu vốn và định hướng trong tương lai cho Công ty.



Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền đại diện công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó và uỷ quyền, cũng như phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề về quản lý và pháp lý của Công ty theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Một nhiệm kỳ của của thành viên HĐQT là 5 năm và tổng số thành viên HĐQT độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT.



Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, được bầu ra bởi Đại hội đồng cổ đông để giám sát các hoạt động Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, đồng thời chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông với các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ của Ban kiểm soát là kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và sự cẩn trọng trong điều hành hoạt động kinh doanh, nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông.



Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm gồm có 04 người nhằm quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty, đồng thời cũng chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị.

Tổng giám đốc điều hành quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao; trong khi các Phó Tổng giám đốc sẽ hỗ trợ Tổng giám đốc về các nội dung công việc được phân công cụ thể và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TT)

Cơ cấu bộ máy quản lý (tt)



Phòng tài chính - kế toán - tin học

Phòng tài chính - kế toán-tin học sẽ phụ trách về lĩnh vực tài chính, kế toán, tin học và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc; đồng thời tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về việc tổ chức bộ máy kế toán, quản lý vốn và nguồn vốn đúng quy định; thực hiện kiểm tra và kiểm soát nội bộ về hàng hóa, tiền, tài sản, công nợ, chi phí phát sinh,... Đồng thời, Công ty cũng sẽ quản lý dữ liệu, lưu trữ hồ sơ, quyết toán và báo cáo định kỳ theo qui định của pháp luật



Phòng hành chính nhân sự

Phòng hành chính nhân sự có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Tổng giám đốc công ty về công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo, tuyển dụng và sắp xếp nhân sự; xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ cho người lao động, đồng thời đánh giá hiệu quả công việc của người lao động để từ đó ước tính mức lương, thưởng; thực hiện công tác quản trị văn phòng, công tác hồ sơ thủ tục pháp lý cho Công ty và các đơn vị trực thuộc hoạt động theo đúng qui định



Phòng kinh doanh

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tham mưu cho Ban Tổng giám đốc Công ty về việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; xây dựng chính sách bán hàng, khai thác nguồn hàng, quan hệ đối tác, soạn thảo văn bản, lập hợp đồng mua bán với đối tác; tổ chức công tác giao nhận hàng hóa an toàn, tiết kiệm, đúng qui định



Đơn vị trực tiếp kinh doanh

Các đơn vị này thực hiện đúng qui định của Ban Tổng giám đốc, các phòng chức năng về tổ chức hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ kế toán, công tác quản lý, quản trị về nhân sự, hàng hóa, tài sản, vật chất, trang thiết bị, công nợ và tiền; có trách nhiệm hướng dẫn, đào tạo nhân sự, đề xuất công việc của từng nhân sự tại đơn vị cho phù hợp năng lực; quản lý, lưu trữ hóa đơn, chứng từ, sổ sách theo đúng qui định.

Công ty con, công ty liên kết

Công ty con



CÔNG TY CỔ PHẦN IN BẠC LIÊU

Địa chỉ: 15 Hoàng Văn Thụ, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ in ấn

Mức vốn điều lệ thực góp: 5.859.618.500

Tỷ lệ sở hữu: 55,04%

Công ty liên kết: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu dài hạn: phát triển ổn định và bền vững

Mục tiêu ngắn hạn (2020-2025):

- » Mở rộng mạng lưới cửa hàng bán lẻ;
- » Tăng cường độ phủ và thị phần buôn bán hàng hóa;
- » Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 5% đến 12%.

Chiến lược phát triển ngắn hạn

Lĩnh vực xăng dầu

Duy trì thị phần bán buôn và mở rộng mạng lưới bán lẻ vẫn là mục tiêu hướng đến của Công ty trong hoạt động kinh doanh. Công ty sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới bán lẻ bằng cách tăng số lượng cửa hàng và đại lý bán lẻ. Điều này sẽ giúp Công ty tiếp cận được nhiều khách hàng hơn và tăng doanh số bán hàng. Nhận thấy nhu cầu về xăng dầu ngày càng tăng tại các tỉnh, Công ty sẽ mở rộng thêm hệ thống cây xăng mới mỗi năm, cũng như tập trung phát triển hệ thống đại lý bán lẻ tại các khu vực vùng sâu, vùng xa.

Lĩnh vực kinh doanh bách hóa

Mở rộng thị trường và nâng cao uy tín là hai mục tiêu chiến lược của Công ty trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện mục tiêu mở rộng thị trường, Công ty sẽ mở rộng hệ thống kinh doanh sang các tỉnh lân cận: Công ty sẽ mở thêm chi nhánh và đại lý tại các tỉnh Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng. Việc này sẽ giúp Công ty tiếp cận được nhiều khách hàng tiềm năng hơn và tăng doanh thu bán hàng. CAMEX cũng sẽ hợp tác với các nhà sản xuất uy tín để phân phối sản phẩm của họ tại khu vực các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng.

Về mục tiêu nâng cao uy tín, Công ty sẽ tập trung vào các hoạt động nâng cao chất lượng phục vụ bằng việc đầu tư vào đào tạo nhân viên, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, đồng thời liên tục cải tiến sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN (tt)

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đa dạng hóa kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đa ngành nghề nhằm gia tăng lợi nhuận thu được từ nhiều lĩnh vực

Tận dụng lợi thế cạnh tranh để vận dụng năng lực cốt lõi, nguồn lực sẵn có, và thương hiệu để phát triển sang lĩnh vực mới.

Tận dụng tối đa điều kiện thị trường để mở rộng thị phần

Nâng cao uy tín và thị phần trên thị trường Tây Nam Bộ bằng việc mở rộng mạng lưới kinh doanh xăng dầu, phù hợp với đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn của tỉnh và các vùng lân cận.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Môi trường

Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo cơ bản về quản lý môi trường cho cán bộ, công nhân viên và đồng thời ban hành các chính sách hỗ trợ để nâng cao khả năng kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường. Công ty cũng không ngừng hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung những quy định, chế tài về bảo vệ môi trường và quyết liệt xử lý những hành vi thiếu trách nhiệm đối với môi trường.

Xã hội và cộng đồng

Tiêu chí phát triển bền vững luôn là mục tiêu cuối cùng mà Ban Lãnh đạo của Công ty luôn muốn hướng đến, vì vậy sự gắn kết trong nội bộ thông qua các hoạt động đoàn thể là một điều rất quan trọng. Công ty đang tạo một môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện và đầy sáng tạo, điều này không chỉ xây dựng môi trường tập thể đoàn kết, cùng nhau phát triển mà hơn hết còn tạo dựng được thái độ và cách ứng xử văn minh, xây dựng lòng tin vững chắc đối với khách hàng.



CÁC RỦI RO

SWOT

Anh Chàng có thể qua trước các ND
về thông tin chung (trừ các số liên
quan đến số kiểm toán a)



RỦI RO KINH TẾ

Nền kinh tế Việt Nam năm 2023 đã có nhiều điểm tích cực khi tăng trưởng GDP năm đạt 5,05% cùng với đó là áp lực lạm phát cũng đã dần hạ nhiệt. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro từ sự suy yếu kinh tế toàn cầu do những căng thẳng và xung đột chính trị trên thế giới. Điều này đã làm cho giá cả của một số hàng hóa thiết yếu như dầu mỏ, xăng dầu,... biến động mạnh trong năm qua. Điều này làm gia tăng chi phí sản xuất và làm giảm nhu cầu tiêu dùng hàng hóa thiết yếu của người tiêu dùng. Theo Tổng cục thống kê, CPI bình quân của Việt Nam năm 2023 đã tăng 3,25%, chủ yếu do chỉ số giá giáo dục và vật liệu xây dựng, nền kinh tế Việt Nam đã hưởng lợi từ đà suy giảm lạm phát toàn cầu trong năm 2023, giúp giảm áp lực giá từ bên ngoài. Tuy nhiên biến động lạm phát ở Việt Nam vẫn ẩn chứa những rủi ro có thể tăng mạnh trong năm tới do (1) sức ép tăng giá điện và giáo dục do nhà nước quản lý và (2) nhu cầu tiêu dùng cải thiện do lương khu vực công tăng, chính sách tiền tệ, tài khóa duy trì nới lỏng và tăng trưởng tín dụng ở mức cao. Điều này làm chậm tốc độ phục hồi nhu cầu nội địa đối với các hàng hóa thiết yếu của người tiêu dùng, trong khi đó, các doanh nghiệp bán lẻ phải đối mặt với áp lực tăng chi phí sản xuất, vận hành, dẫn đến giảm lợi nhuận. Thế nên, các công ty gặp nhiều khó khăn trong việc quản lý giá bán, cân bằng giữa lợi nhuận và sức mua của khách hàng.

Ngoài ra tỷ giá đồng VND so với USD đang có xu hướng tăng và biến động liên tục có thể ảnh hưởng đến tính ổn định của hoạt động thương mại quốc tế. Các bất ổn kinh tế kinh tế từ các cuộc xung đột chính trị trên thế giới gần đây có thể làm gia tăng rủi ro thiếu hụt nguồn cung, các doanh nghiệp bán lẻ có thể gặp khó khăn trong việc bảo đảm nguồn hàng. Thế nên, CMV luôn theo dõi, cập nhật diễn biến của thị trường để có thể lên kế hoạch kinh doanh phù hợp với bối cảnh thị trường. Ngoài ra, các khoản dự phòng rủi ro còn được Công ty chuẩn bị sẵn để hạn chế những tác động tiêu cực từ môi trường kinh tế.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Cũng giống bất kỳ một doanh nghiệp Việt Nam nào, CTCP Thương nghiệp Cà Mau luôn cần tuân thủ theo các quy định về Luật Doanh nghiệp, Luật Lao động, Luật thuế và các văn bản luật khác có liên quan đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, với mô hình hoạt động là Công ty Cổ phần và được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Camex còn chịu sự quản lý của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Các công ty có thể bị phạt, khởi kiện pháp lý hoặc thậm chí bị buộc phải giải thể nếu vi phạm nghiêm trọng các quy định trên. Đặc biệt, hệ thống pháp luật Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện hoạt động quản trị Công ty và công bố thông tin khi các cơ quan quản lý nhà nước đã tăng cường thanh tra, kiểm tra đối với các công ty đại chúng trong năm vừa qua. Do đó, yêu cầu đối với các công ty ngày càng khắt khe để có thể đáp ứng các yêu cầu của cơ quan chức năng. Để tránh các thiệt hại về vật chất và uy tín hình ảnh do vi phạm các quy định pháp lý, Camex luôn đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và liên tục cập nhật những thông tin về luật để linh hoạt điều chỉnh hoạt động và kế hoạch kinh doanh của Công ty phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn có bộ phận pháp lý chuyên trách để tư vấn và hỗ trợ trong việc tuân thủ pháp lý.

RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất Việt Nam đã chứng kiến sự biến động mạnh trong năm qua khi Ngân hàng nhà nước đã có 4 lần điều chỉnh trong năm 2024 khi đã tăng mạnh từ giai đoạn đầu năm và giảm dần kể từ cuối năm 2023 do nhu cầu vốn của nền kinh tế tăng cao. Với kỳ vọng Fed cắt giảm lãi suất và nền kinh tế Việt Nam phục hồi trở lại thì lãi suất được dự báo có thể tăng nhẹ và duy trì ổn định. Điều này giúp giảm gánh nặng lãi vay cho các công ty nhưng đồng thời cũng làm giảm cơ hội đầu tư tiền gửi khi lãi suất huy động giảm theo. Đặc biệt đối Camex là một Công ty có tỷ trọng nợ khá cao trong cơ cấu nguồn vốn vì đặc trưng là mô hình công ty bán lẻ nên luôn cần một lượng vốn lưu động lớn đảm bảo hoạt động mua bán diễn ra liên tục. Khoản nợ vay của Công ty hoàn toàn đến từ nợ vay ngắn hạn để mua và trữ hàng tồn kho hàng nhằm đảm bảo đáp ứng đủ sản lượng cần thiết cho nhu cầu tiêu thụ của khách hàng. Thế nên, Công ty sẽ dễ gặp rủi ro vỡ nợ trong ngắn hạn khi tình hình lãi suất biến động nhiều như trong năm vừa qua, Công ty cần phải kiểm soát tốt hoạt động xoay vòng vốn và có những kế hoạch tài trợ vốn vay linh hoạt phù hợp với diễn biến lãi suất của thị trường, nếu không muốn rơi vào tình trạng mất kiểm soát thanh khoản.

CÁC RỦI RO (tt)

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO TRONG LĨNH VỰC BÁN LẺ

Cạnh tranh trong thị trường ngành bán lẻ đang vô cùng khốc liệt bởi nhu cầu của người tiêu dùng ngày càng khắt khe hơn và đối thủ cũng không ngừng cải tiến sự chuyên nghiệp và hiện đại. Theo Vietnam Report, tỉ lệ tham gia của nhà bán lẻ hiện nay vẫn còn rất thấp, chỉ hơn 20% nên dư địa phát triển của ngành còn rất nhiều, các doanh nghiệp quy mô nhỏ sẽ chịu sức ép so với các công ty quy mô lớn có khả năng giữ nguồn cung ổn định hơn. Điều này cho thấy mức độ cạnh tranh trong ngành đang ngày càng khốc liệt nhất là khi đa số nguồn lực của nhiều doanh nghiệp bán lẻ trong nước vẫn còn lép vế so với nhà bán lẻ ngoại. Những thách thức này đòi hỏi các công ty cần có những động thái để phù hợp với xu thế thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng. Nhận thức được vấn đề này, CMV đã có chiến lược kinh doanh phù hợp là xây dựng được vị thế vững chắc, ưu tiên lớn nhất là tiếp tục giữ vững vị thế ở khu vực Cà Mau và các khu vực lân cận để làm nền tảng mở rộng kinh doanh sang các khu vực xa hơn. Công ty đã mở rộng chi nhánh, cửa hàng bách hóa và hệ thống xăng dầu đến các khu vực tiềm năng, phát triển dịch vụ giao nhận sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng ở vùng sâu vùng xa nhằm nâng cao tính nhận diện thương hiệu. Ngoài ra, hoạt động quản lý hàng tồn kho là yếu tố quan trọng nhất giúp cho các công ty tạo được lợi thế cạnh tranh trong ngành này do sản lượng hàng hóa ra vào liên tục, thị trường yêu cầu các công ty cần có sự linh hoạt và thích ứng nhanh với thị trường để đáp ứng đúng nhu cầu của khách hàng. Chính vì vậy, CMV cần có chiến lược thu mua và quản lý hàng tồn kho hợp lý tương ứng với từng loại hàng hóa mà Công ty bán ra bao gồm các sản phẩm bách hóa, điện máy và xăng dầu.

RỦI RO LĨNH VỰC BÁCH HÓA VÀ ĐIỆN MÁY



Hoạt động bán lẻ các sản phẩm điện máy chịu ảnh hưởng rất lớn từ chu kỳ mùa vụ nên doanh thu thường có sự biến động, tăng cao vào các dịp lễ, tết, ... nên các công ty cần kiểm soát tốt nhu cầu thị trường tránh tình trạng thiếu hụt hay dư thừa hàng hóa. Bên cạnh đó, các thiết bị điện máy, công nghệ luôn được các nhà sản xuất cải tiến liên tục hàng năm nên các sản phẩm lưu kho của Công ty nếu như để lượng tồn kho lớn trong một thời gian dài mà không bán được thì sản phẩm rất dễ hư hỏng và bị lỗi thời. Để hạn chế vấn đề trên, CMV đã có kế hoạch lưu trữ và phân bổ hàng tồn kho linh hoạt, phù hợp với nhu cầu thị trường. Công ty cũng chủ động nắm rõ tính mùa vụ của các loại hàng hóa bằng cách liên tục cập nhật các thông tin về sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm về công nghệ, điện tử và gia dụng để tối đa hóa hệ thống kho bãi đồng thời hạn chế tối thiểu chi phí tồn kho.

CÁC RỦI RO (tt)

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ XĂNG DẦU

Hiện nay, hơn 70% lượng xăng dầu ở Việt Nam đều đến từ việc nhập khẩu, giá xăng dầu phụ thuộc nguồn cung của ba nhà cung cấp lớn nhất trên thế giới là Hoa Kỳ, Nga và Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC). Đây là loại hàng hóa rất nhạy cảm với các biến động của tình hình chính trị thế giới, thường bất ổn định và khó có thể dự đoán trước. Nhìn chung năm 2023, giá xăng dầu thô biến động khá nhiều nhưng bắt đầu có xu hướng giảm xuống kể từ quý 4/2023 từ việc (1) nhu cầu sụt giảm do triển vọng hồi phục sản xuất kém ở Trung Quốc; (2) nguồn cung tăng lên do OPEC+ tăng sản lượng và Mỹ giải phóng kho dự trữ dầu chiến lược. Các cuộc xung đột chính trị ở Israel và khu vực biển đỏ cùng với các thông báo cắt giảm sản lượng ở khu vực Trung Đông sẽ làm giá xăng dầu biến động tăng mạnh trong thời gian tới, điều này có thể làm tăng chi phí nguyên liệu cho các công ty nhập khẩu xăng dầu của Camex. Ngoài ra, việc tỷ giá VND/USD đang có xu hướng tăng càng làm cho giá nhập khẩu tăng cao, gây sức ép cho nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh xăng dầu. Thế nên, trong năm vừa qua Công ty đã chủ động gia tăng lưu trữ tồn kho xăng dầu khi giá đang thấp để hạn chế tối đa rủi ro biến động trong thời gian tới, cũng như luôn theo dõi sát tình hình cung cầu sản lượng trên thế giới để có các phương án kinh doanh phù hợp.

RỦI RO KHÁC

CMV có thể đối mặt với nhiều tác động từ điều kiện tự nhiên như thiên tai, cháy nổ, động đất, ... có thể gây thiệt hại lớn về người lẫn tài sản. Đó là những hiện tượng không thể tránh khỏi và dự đoán trước nên Công ty luôn chủ động xây dựng các giải pháp để ứng phó kịp thời và tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao ý thức cho đội ngũ cán bộ công nhân viên chức để mọi người có trách nhiệm sẵn sàng trước các rủi ro như trên có thể xảy đến bất chợt.





PHẦN 2

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quy mô hoạt động

CMV là nhà bán lẻ điện máy lớn nhất tỉnh Cà Mau với 4 chi nhánh hoạt động ở các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng và 1 chi nhánh công ty ở thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ thống phân phối của Công ty đã mở rộng đến 39 cửa hàng chủ yếu tập trung ở Cà Mau và các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Với trên 100 phương tiện xe và ghe tàu vận chuyển hàng hóa đã giúp CMV mở rộng vùng phủ hoạt động và thúc đẩy sản lượng tiêu thụ, CMV nhanh chóng trở thành một trong những công ty vận tải xăng dầu và điện máy lớn tỉnh Cà Mau.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu	Năm 2022		Năm 2023		% 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán hàng hóa	3.198.507	70,69%	3.083.751	72,38%	96,41%
Doanh thu xăng dầu	966.147	21,35%	784.416	18,41%	81,19%
Doanh thu khác	359.842	7,95%	392.606	9,21%	109,10%
Tổng cộng	4.524.496	100%	4.260.773	100%	94,17%



NHẬN XÉT

Trong năm 2023 vừa qua, doanh thu của Công ty đã giảm nhẹ 5,83% từ 4.524.496 triệu đồng xuống còn 4.260.773 triệu đồng, do bối cảnh kinh tế khó khăn dẫn đến nhu cầu thị trường sụt giảm, đặc biệt là các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty như bán lẻ và xăng dầu đã biến động mạnh năm qua.



Bán hàng bách hóa vẫn là hoạt động mang về nguồn doanh thu chính của công ty trong năm vừa qua khi chiếm tỷ trọng đến hơn 72,38%. Hoạt động bán lẻ vẫn diễn biến khá trầm lắng do giá cả hàng hóa thiết yếu hầu hết tăng và tín dụng bị thắt chặt. Thế nên, nhu cầu tiêu dùng đã giảm khiến cho các doanh nghiệp bán lẻ trong năm qua đã chấp nhận việc giảm doanh thu để đẩy mạnh giảm giá nhằm giải phóng bớt áp lực tồn kho. Tuy vậy, xu hướng tiêu dùng trong năm vừa qua đã tập trung vào hàng hóa thiết yếu nhiều hơn như các mặt hàng FMCG, nhờ vậy mảng doanh thu bách hóa của CMV không bị tác động nhiều khi chỉ giảm nhẹ 3,59% trong năm 2023.



Doanh thu bán hàng xăng dầu cũng ghi nhận sự sụt giảm gần 18,81%, chủ yếu do giá dầu nhập khẩu neo ở mức cao làm cho nhu cầu giảm xuống do các biến động mạnh của giá dầu thô thế giới. Cùng với việc nhu cầu tiêu thụ xăng dầu cho sản xuất công nghiệp đã giảm do các doanh nghiệp đã cắt giảm hoạt động sản xuất, hạn chế nguồn cung trước tình hình kinh tế khó khăn trong năm vừa qua. Điều này cũng gây tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty khi đây là hoạt động có tỷ trọng lớn thứ hai trong tổng doanh thu của CMV.



Đối với doanh thu bán hàng điện máy và gas đã lần lượt giảm 15,7% và 16,3%. Trong khi đó, chỉ có duy nhất mảng doanh thu khác đã có sự tăng trưởng so với năm 2023. Nhu cầu tiêu dùng các hàng hóa không thiết yếu như các thiết bị công nghệ và điện tử đã giảm do xu hướng thắt chặt chi tiêu trước khó khăn kinh tế. Thế nên, các doanh nghiệp điện máy trên thị trường đã phải triển khai nhiều hoạt động giảm giá sâu cho các mặt hàng điện tử để kích cầu tiêu dùng cho vào dịp cuối năm vừa qua. Cùng với đó, nhu cầu tiêu thụ khí của các công ty công nghiệp ở mức thấp do thiếu đơn hàng và cơ chế chính sách phát triển liên quan đến ngành khí chưa được sửa đổi, ban hành phù hợp với tình hình kinh tế trong năm 2023. Nguyên nhân do các cuộc xung đột chính trị trên thế giới kéo dài cùng với việc cắt giảm lượng lớn nguồn cung dầu từ Nga và Ả rập xê út, đã làm giá dầu thế giới tăng trong năm 2023, nhất. Điều này cũng ảnh hưởng mạnh đến việc nhập khẩu dầu thô của Việt Nam, khiến cho nhu cầu sử dụng khí gas hóa lỏng cho sản xuất công nghiệp và dân dụng giảm mạnh so với năm 2022. Ngoài ra, điểm sáng duy nhất là doanh thu bán hàng hóa khác ngoài các mặt hàng đã nêu trên của CMV đã tăng trưởng mạnh, góp phần làm cho doanh thu không bị sụt giảm quá nhiều. Ngoài ra, doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty cũng bị sụt giảm, nhưng đây là hoạt động chỉ chiếm khoảng chưa đến 1% trong cơ cấu doanh thu, nên cũng không ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tt)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% TH2023/ TH2022	%TH2023/ KH2023
Tổng doanh thu	4.524.496	4.212.000	4.260.773	94,17%	101,16%
Lợi nhuận trước thuế	31.479	25.600	20.177	64,10%	78,82%
Lợi nhuận sau thuế	23.976	20.000	14.801	61,73%	74,00%

Mặc dù với tình hình kinh tế khó khăn trong năm qua khi giá cả hàng hóa liên tục biến động, CMV vẫn hoàn thành được kế hoạch doanh thu đã đề ra. Điều này nhờ định hướng kế hoạch đúng đắn của Ban lãnh đạo cùng với sự nỗ lực của toàn thể công nhân viên, nên doanh thu năm 2023 đã vượt 1,16% kế hoạch doanh thu. Tuy nhiên, cả lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận trước thuế của Công ty đều giảm và không đạt được mục tiêu kế hoạch. Với đặc trưng là công ty hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, việc giá hàng hóa biến động bất ổn như trong năm vừa qua đã gây ra khó khăn cho Công ty trong việc quản lý tồn kho và duy trì hoạt động bán hàng, nên chi phí phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh theo đó cũng tăng theo khiến cho lợi nhuận giảm mạnh trong năm 2023. Tuy vậy, đây cũng thành quả đáng được ghi nhận của toàn thể Công ty khi đã duy trì được hoạt động kinh doanh trước bối cảnh nhu cầu tiêu dùng nội địa hồi phục chậm.

Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hữu Long	Tổng Giám đốc	-	-
2	Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc	100.000	0,55%
3	Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	30.456	0,17%
4	Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng Giám đốc	-	-
5	Nguyễn Thúy Ái	Kế toán trưởng	-	-

Lý lịch Ban Điều hành



ÔNG NGUYỄN HỮU LONG

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Quốc tế

Quá trình công tác:

2007 - 2011	Chuyên viên Kinh doanh - Công ty Xăng dầu Khu vực 2 (Petrolimex Sài Gòn)
2012 - 2014	Phó Giám đốc - CTCP Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình (PV Oil Ninh Bình)
2015 - 2017	Quản lý Siêu thị - CTCP Thương mại Tổng hợp Vinconmerce
2018 - 2023	TGD - CTCP Tập đoàn Miền núi
2018 - Nay	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH TM Dịch vụ Long Hưng
2023 - Nay	Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: Không có



ÔNG PHÙ CHÍ ANH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

10/1998 - 02/1999	Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/1998 - 12/2001	Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2002 - 01/2007	Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/2007 - 11/2007	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán CMV
12/2007 - 12/2012	Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
07/09/2016 - 10/2022	Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
06/2020 - 05/2023	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau
02/01/2013 - hiện nay	Phó Tổng giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP In Bạc Liêu

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: Cá nhân: 100.000 cổ phiếu, chiếm 0,55% VDL

Đại diện: Không có

Lý lịch Ban Điều hành (tt)



BÀ TRẦN THỊ TRÚC LINH

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại Thương

Quá trình công tác:

05/2000 - 09/2003	Kế toán Phòng Kinh tế kỹ thuật Công ty Thương Nghiệp Cà Mau
10/2003 - 07/2004	Cửa hàng Phó Cửa hàng May Mặc sẵn (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
08/2004 - 05/2005	Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách Hóa Tự Chọn Bến Tàu A (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
06/2005 - 11/2007	Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách Hóa Tự Chọn Phường 2 (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
12/2007 - 10/2009	Kế toán phong Tài chính & IT CTCP Thương nghiệp Cà Mau
03/2010 - 10/2012	Phó Giám Đốc Cty TNHH MTV Bách Việt (Phó Chủ tịch Công đoàn NK 2010 - 2012)
11/2012 - 03/2015	Trưởng Phòng Kinh doanh CTCP Thương Nghiệp Cà Mau. Phó Chủ tịch Công đoàn NK 2012 - 2017
04/2015 - 08/2019	Giám Đốc Cty TNHH MTV Bách Việt (UVBCH Đảng ủy NK 2015 - 2020), (Phó Chủ tịch công đoàn NK 2017 - 2022)
08/2019 - 12/2021	Trưởng phòng kinh doanh - kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt
29/12/2021 - nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: Cá nhân: 30.456 CP, chiếm 0,17% VDL

Đại diện: Không có



BÀ NGUYỄN HOÀNG HÀ MY

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1996

Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD - Tài chính

Quá trình công tác:

17/06/2022 - nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám Đốc - Công ty TNHH TM và DV Long Hưng

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: Không có



BÀ NGUYỄN THÚY ÁI

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1988

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

08/2011 - 06/2022 Kế toán Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

07/2022 - 10/2022 Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

01/11/2022 đến nay Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: Không có

Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Hữu Long	Tổng giám đốc	01/07/2023	
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng giám đốc	28/11/2007	01/07/2023

Số lượng cán bộ, công nhân viên năm 2023

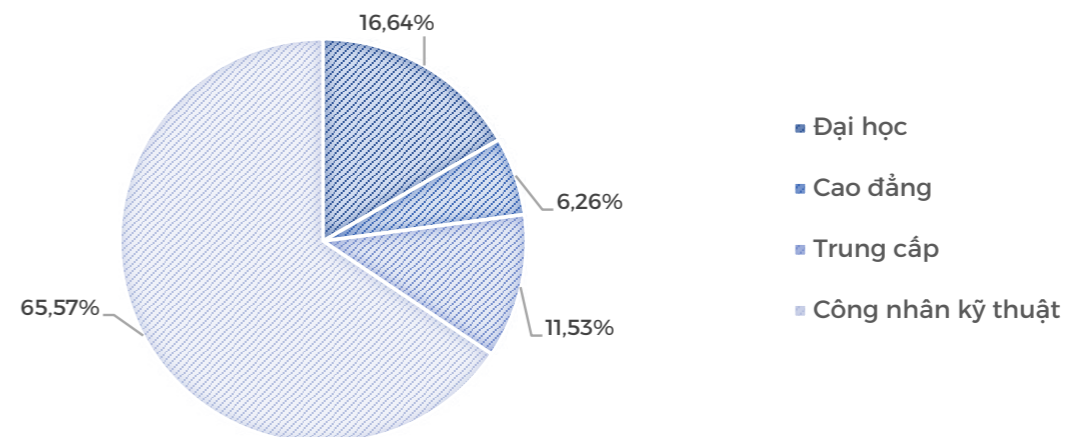
Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	607	100,00%
1	Đại học	101	16,64%
2	Cao đẳng	38	6,26%
3	Trung cấp	70	11,53%
4	Công nhân kỹ thuật	398	65,57%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	607	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (1-3 năm)	247	40,69%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	360	59,31%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,00%
III	Theo giới tính	607	100,00%
1	Nam	464	76,44%
2	Nữ	143	23,56%

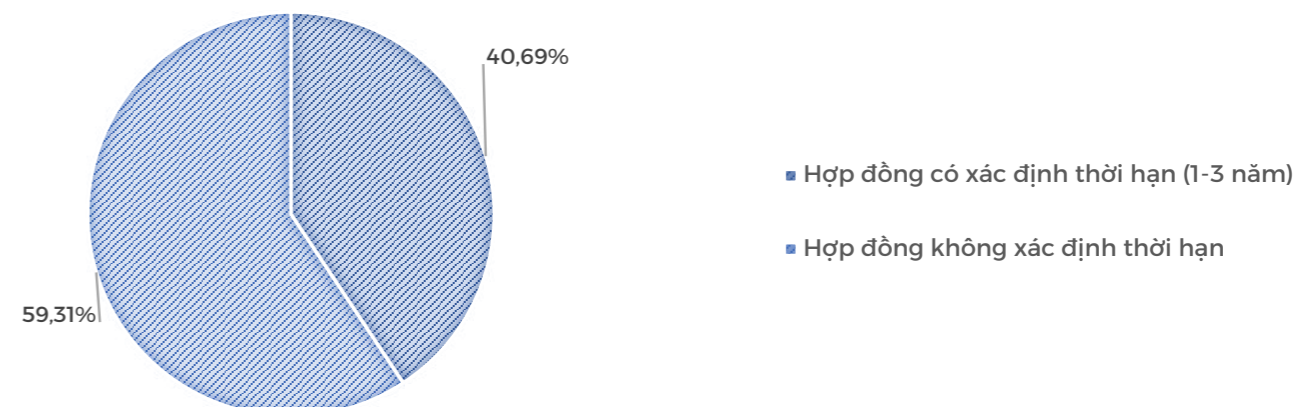
Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	629	619	586	607
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.000.000	8.000.000	8.500.000	8.500.000

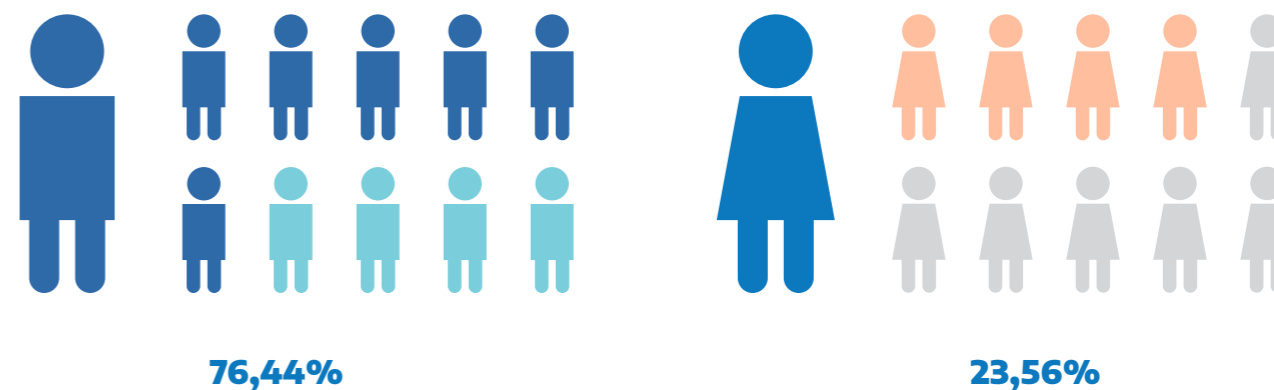
THEO TRÌNH ĐỘ



THEO TÍNH CHẤT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG



THEO GIỚI TÍNH



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

Chính sách nhân sự

VỀ ĐÀO TẠO

Nguồn nhân lực luôn là nguồn lực quyết định đến sự thành công của mọi doanh nghiệp, kỹ năng và trình độ của nhân viên bán hàng là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Vì lý do này, công ty luôn chú trọng đào tạo nhân viên của mình trong các lĩnh vực tư vấn, tiếp thị và tiếp thị.

VỀ TUYỂN DỤNG

Trong quá trình hình thành và phát triển, việc phát triển nguồn lực và đội ngũ lãnh đạo chất lượng luôn được Công ty coi trọng. Để đảm bảo sự bền vững và tăng trưởng của Công ty, ngoài việc xây dựng các chính sách để giữ chân lực lượng lao động nòng cốt, Công ty cũng tập trung vào việc xây dựng chính sách thu hút nhân tài chất lượng và gắn bó lâu dài với Công ty. Việc này nhằm đáp ứng khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động và đáp ứng các chỉ tiêu phát triển quan trọng của Công ty. Chúng tôi thường xuyên tổ chức các khóa học và chương trình đào tạo dành cho tất cả mọi người. Ngoài ra, chúng tôi thường xuyên đào tạo đội ngũ nhân viên về các năng lực như bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và an toàn phòng cháy chữa cháy để ngăn ngừa những rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.



VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Môi trường làm việc tốt sẽ là tiền đề cho sự gia tăng hiệu quả công việc vì nó gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của nhân viên. Thế nên, chúng tôi tâm huyết xây dựng một môi trường làm việc và văn hóa lành mạnh, thân thiện, tạo một môi trường nơi nhân viên cảm thấy sáng tạo và có động lực để làm tốt công việc của mình. Với tinh thần văn minh, toàn thể nhân viên của CAMEX luôn hướng đến văn hóa công ty với thái độ và cách ứng xử nghiêm túc. Điều này không chỉ tạo văn hóa làm việc tốt mà còn gây ấn tượng tốt và tạo được uy tín cao với khách hàng.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Chúng tôi luôn đảm bảo thực hiện minh bạch và đầy đủ các chế độ lương thưởng, phúc lợi, đồng thời tuân thủ pháp luật và các điều khoản trong hợp đồng lao động. Ngoài việc đảm bảo nhân viên được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công ty còn tận dụng chế độ bảo hiểm xã hội, tiền thưởng, nghỉ phép để tạo động lực cho nhân viên. Công ty còn tổ chức các chuyến đi du lịch định kỳ cho nhân viên và tổ chức các bữa tiệc cuối năm nhằm tri ân và tôn vinh những đóng góp của toàn thể cán bộ công nhân viên. Hơn thế nữa, ban quản lý ở mỗi cấp còn sẵn sàng kịp thời giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc hay liên quan đến sức khỏe tinh thần lẫn thể chất của nhân viên để đảm bảo môi trường làm việc tốt và tạo điều kiện cho nhân viên tập trung đóng góp cho công ty.

Công ty trả lương tuân thủ theo nguyên tắc phân phối theo lao động. Người lao động được hưởng chế độ đãi ngộ đúng với năng lực, vị trí công việc và đóng góp đối với Công ty. Chế độ lương của Công ty được quy định để đảm bảo hiệu quả công việc trong Công ty. Quan điểm của Ban lãnh đạo là trả lương và phân phối thu nhập phải thật sự là động lực khuyến khích, động viên người lao động không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn: không có

Công ty con

Công ty cung cấp các dịch vụ in ấn như: In sách, báo, hóa đơn, lịch tờ, lịch lóc, vé số và những ấn phẩm khác. Kết quả kinh doanh tăng trưởng đều và tình hình tài chính được duy trì ổn định trong nhiều năm liền.

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
Tổng tài sản	21.803	17.233	79,04%
Doanh thu thuần	40.644	11.505	28,31%
Giá vốn hàng bán	34.400	12.643	36,75%
Doanh thu thuần hoạt động tài chính	367	409	111,44%
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	5.008	3.599	71,87%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.605	(4.329)	-269,72%
Lợi nhuận khác	(6)	3	-
Lợi nhuận trước thuế	1.599	(4.326)	-270,54%
Lợi nhuận sau thuế	1.240	(4.138)	-333,71%

Công ty liên kết

Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng quan tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	%2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	488,643	530,920	108.60%
2	Doanh thu thuần	4.524.496	4.260.773	94.17%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.820	1.798	29.68%
4	Lợi nhuận khác	29.659	18.378	67.02%
5	Lợi nhuận trước thuế	31.479	20.177	64.87%
6	Lợi nhuận sau thuế	23.976	14.801	62.17%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	12%	5%	41.67%

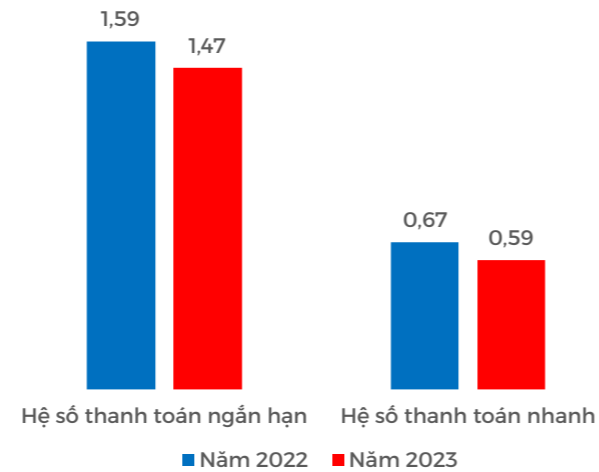
Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,59	1,47
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,67	0,59
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	48,74	53,88
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	95,09	116,65
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	19,14	17,44
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	9,41	8,36
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,53	0,35
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,56	5,98
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	4,99	2,90
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,04	0,04

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Khả năng thanh khoản của CMV đã giảm nhẹ trong năm 2023 khi lần lượt hệ số thanh toán hiện thời và thanh toán nhanh đều thấp hơn năm ngoái ở mức 1,47 và 0,59. Trong năm qua, tài sản ngắn hạn đã tăng lên hơn 10%, chủ yếu do lượng hàng tồn kho đã tăng lên từ việc sản lượng tiêu thụ giảm và Công ty cũng đang có một lượng lớn hàng hóa đang trong quá trình nhập hàng về để tiết kiệm chi phí với mức chiết khấu cao và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng khi nền kinh tế phục hồi trở lại trong năm tới. Bên cạnh đó, công ty cũng đã gia tăng vay nợ để tài trợ cho việc chi trả các nghĩa vụ ngắn hạn như tiền lương, chi phí

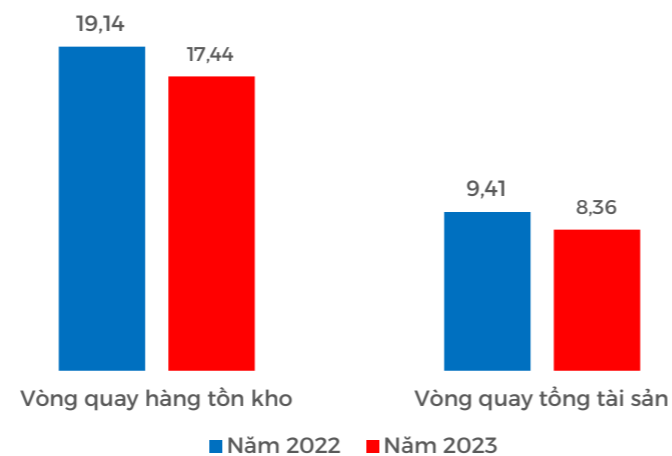
vận hành trong khi tình hình kinh doanh đang gặp khó khăn. Ngoài ra, để tài trợ vốn lưu động và trả các khoản lãi vay ngắn hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã vay nợ thêm từ các Ngân hàng TMCP nhằm tận dụng lãi suất thấp trong giai đoạn cuối năm 2023. Nhìn chung, hệ số thanh khoản của Công ty vẫn lớn hơn 1 nên Công ty vẫn đảm bảo tốt khả năng thanh toán được các nghĩa vụ nợ trong ngắn hạn. Do lượng hàng tồn kho lớn vì đặc trưng của Công ty bán lẻ hàng hóa của CMV nên chênh lệch giữa hai hệ số thanh toán khá lớn và hệ số thanh toán nhanh luôn nhỏ hơn 1.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

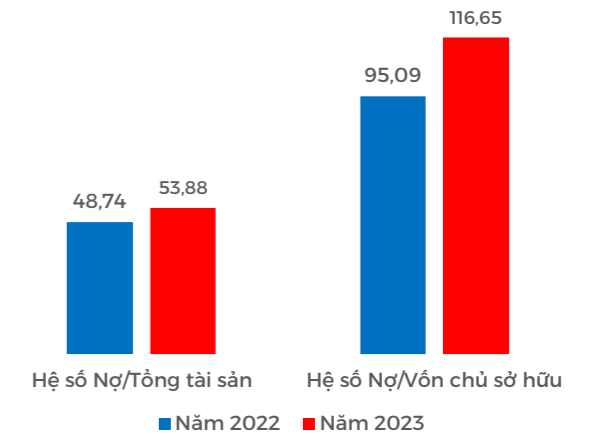
Với hoạt động bán lẻ đặc trưng của CMV thì mức độ vòng quay tài sản, đặc biệt là hàng tồn kho luôn ở mức cao do yêu cầu lưu thông hàng hóa diễn ra thường xuyên. Do sản lượng tiêu thụ giảm dẫn đến việc hàng hóa trong năm qua bị ứ đọng nhiều nên vòng quay hàng tồn kho đã giảm nhẹ từ 19,8 xuống còn 17,44. Mức sụt giảm nhẹ này đến từ việc hàng tồn kho trong năm qua đã tăng 13,7% do Công ty đã chủ động tăng cường mua hàng hóa. CMV đang thực hiện chiến lược tăng cường dự trữ hàng hóa trước các biến động liên tục về giá của các mặt hàng kinh doanh của Công ty như xăng, dầu khí và Công ty cũng kỳ vọng về

nhu cầu thị trường hồi phục trong tương lai. Công ty cũng đã chủ động giảm nguyên vật liệu không cần thiết, cần ít vốn hơn để duy trì mức hàng tồn kho nhất định và giải phóng vốn để đầu tư vào các hoạt động khác như mở rộng kinh doanh và tập trung vào giải quyết các nghĩa vụ tài chính. Điều này cũng góp phần làm giảm vòng quay tài sản khi hàng tồn kho chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty, nhưng nhìn chung tổng tài sản vẫn đạt mức tăng trưởng 10,2% trong khi doanh thu giảm nhẹ trong năm qua. Điều này cho thấy Công ty đang sử dụng tài sản hiệu quả hơn để tạo ra doanh thu hiệu quả trong dài hạn.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

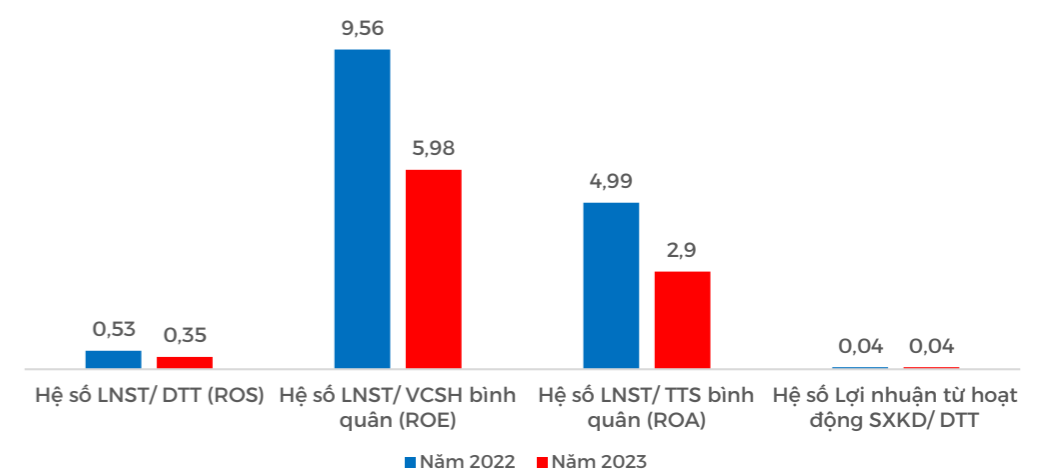
Cơ cấu nguồn vốn của CMV đã có sự thay đổi lớn khi đòn bẩy tài chính đã tăng lên nhờ vào tỷ trọng nợ đã cao hơn vốn chủ sở hữu, chiếm gần 54% tổng tài sản của Công ty. Vốn chủ sở hữu trong năm qua đã giảm 2,2% trong khi nợ phải trả đã tăng lên đến 20%, chủ yếu từ khoản nợ dài hạn đã tăng hơn gấp 4 lần do Công ty đã tiến hành trích lập cho khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Đây là bước tiến phù hợp giúp CMV thích ứng với bối cảnh thị trường khó khăn trong năm qua bằng cách tái cấu trúc loại bỏ các bộ phận không hiệu quả, cắt giảm nhân sự không cần thiết và tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty, do đó công ty cần tăng khoản dự phòng trợ cấp thôi việc để chi trả cho những người lao động bị ảnh hưởng từ quá trình thay đổi này. Các khoản nợ vay ngắn hạn của Công ty cũng tăng lên nhằm phục vụ cho việc duy trì hoạt động ổn định. CMV cũng đã tiến hành tạm ứng cổ tức năm 2023 với giá trị hơn 18 tỷ đồng, điều này cũng khiến phần vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận giữ lại giảm xuống. Tuy đòn bẩy tài chính dài hạn của CMV đã tăng lên nhưng vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán tốt khi chưa ghi nhận khoản nợ phải trả quá hạn nào trong năm qua.



Việc doanh thu giảm trong năm qua cũng đã góp phần làm giảm lợi nhuận của CMV khi cả biên lợi nhuận tỷ suất sinh lợi đều sụt giảm. Trong đó, mức sụt giảm chủ yếu đến từ chi phí lãi vay đã tăng 18%. Công ty đã tiến hành vay ngắn hạn ngân hàng để chi trả cho các khoản lãi vay tới hạn. Ngoài ra, chi phí nguyên

vật liệu của Công ty đã tăng gấp 4 lần do giá xăng dầu nhập khẩu duy trì ở mức cao. Với các áp lực chi phí như vậy, lợi nhuận sau thuế đã giảm đến 61%, khiến cho biên lợi nhuận ròng giảm từ 0,53% xuống còn 0,35%. Hoạt động kinh doanh kém khả quan cũng đã làm giảm tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu từ 9,56% xuống còn 5,98% vào năm vừa qua. Công ty đã tập trung cải thiện hiệu quả sử dụng vốn khi đã đầu tư vào hoạt động tái cấu trúc. Từ đó, Công ty có thể cải thiện khả năng thanh toán thông qua việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn. Trong khi đó, tổng tài sản của Công ty tăng trong khi lợi nhuận ròng giảm, điều này cho thấy Công ty đang ưu tiên các hoạt động đầu tư hướng đến sự phát triển lâu dài trong việc đã sử dụng hiệu quả tài sản.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

Cổ phần



Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% (*)

(*) Theo Công văn số 8752/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau ngày 21/12/2021 của UBCKNN.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cơ cấu sở hữu			
1	Cổ đông lớn	12.195.518	67,17%
	Cổ đông nhỏ	5.960.350	32,83%
Đối tượng sở hữu			
2	Cổ đông tổ chức	12.913.736	71,13%
	Cổ đông cá nhân	5.242.132	28,87%
Phạm vi sở hữu			
3	Cổ đông trong nước	18.148.765	99,96%
	Cổ đông ngoài nước	7.103	0,04%
Sở hữu nhà nước			
4	Cổ đông nhà nước	12.573.437	69,25%
	Cổ đông khác	5.582.431	30,75%
Tổng cộng		18.155.868	100,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm	Số lượng cổ phiếu phát hành	Vốn chủ sở hữu sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
2009	1.049.986	80.499.860.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 10% cho cổ đông hiện hữu và ESOP cho công nhân viên tỷ lệ 5%	Ủy ban chứng khoán nhà nước
2010	1.529.352	95.793.380.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 tỷ lệ 9%	Ủy ban chứng khoán nhà nước
2011	1.628.257	112.075.950.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu và ESOP cho công nhân viên tỷ lệ 5%	Ủy ban chứng khoán nhà nước
2012	896.317	121.039.129.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 8%	Ủy ban chứng khoán nhà nước
2021	6.051.956	181.558.680.000	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng với tỷ lệ phát hành 2:1	Ủy ban chứng khoán nhà nước

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY





Tác động đến môi trường

Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, ban lãnh đạo công ty luôn đề cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của mọi công nhân viên trong công ty. Đó là lý do tại sao công ty luôn có các chính sách khuyến khích nhân viên giảm thiểu rác thải, sử dụng tiết kiệm nguồn lực như điện, nước và tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Cụ thể, công ty đã phát triển một hệ thống luân chuyển hàng hóa tối ưu để hạn chế tối đa lượng khí thải do xe cộ thải ra, với mục đích giảm thiểu phát thải khí nhà kính đến môi trường trong quá trình vận chuyển hàng hóa và nguyên vật liệu. Quá trình vận chuyển tối ưu được Công ty đầu tư để hạn chế tối đa chi phí không cần thiết liên quan đến các nguồn năng lượng điện, nước. Hoạt động luân chuyển hàng hóa của CMV diễn ra liên tục nên việc duy trì các nguồn năng lượng và khí thải là điều khó tránh khỏi, nhưng Công ty đã khuyến khích lối sống xanh, cùng nhau hưởng ứng các hoạt động bảo vệ môi trường.



Tiêu thụ nguyên vật liệu

Tổng giá trị hàng tồn kho tính đến thời điểm cuối năm 2023: **249.579.661.167 đồng**

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau là một trong những công ty có đa dạng các loại sản phẩm bán lẻ đủ loại. Do hoạt động chủ yếu của công ty là phân phối sản phẩm, việc quản lý nguồn nguyên vật liệu chủ yếu được Công ty đảm bảo ổn định không ảnh hưởng quá nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, việc bảo quản và phân phối sản phẩm đến khách hàng là một yếu tố quan trọng để đảm bảo chất lượng của sản phẩm.

Với nguồn cung ứng đa dạng đến từ nhiều nhà sản xuất uy tín, công ty có thể hạn chế áp lực từ nguồn cung đầu vào cũng như chú trọng vào việc cân đối hàng tồn kho đảm bảo số lượng cần thiết và sản phẩm đạt tiêu chuẩn khi đến tay người tiêu dùng. Nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng, công ty còn áp dụng chiến lược đa dạng hóa các dòng sản phẩm nhờ lợi thế về nguồn cung lớn. Vì đặc điểm có tồn kho lớn do đặc thù ngành bán lẻ, công ty đã chủ động xây dựng chính sách hàng tồn kho linh hoạt và phù hợp với hoàn cảnh thị trường để thích ứng kịp thời với sự thay đổi của nhu cầu tiêu dùng.



Tiêu thụ nước

Tổng sản lượng nước sinh hoạt tiêu thụ: **14.098 m³**

Nước không phải là vĩnh cửu và đang bị đe dọa bởi và sự nóng lên của biến đổi khí hậu và nhu cầu sử dụng tăng cao của các ngành công nghiệp. Riêng đối với CMV, nguồn cung cấp nước của công ty đến từ hệ thống giếng khoan. Vì thế, công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống hệ thống tự động ngắt, vòi chảy chậm và vòi khử trùng tay bằng hơi nước để hạn chế lượng nước lãng phí. Bên cạnh đó, việc sử dụng nước trong sinh hoạt cũng được công ty kiểm soát chặt chẽ khi luôn có những khuyến cáo mọi người sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả. Công ty còn luôn chú trọng việc khai thác tiết kiệm nguồn nước và kiểm soát chất lượng an toàn của nguồn nước trước khi đưa vào sử dụng.





Tiêu thụ năng lượng điện

Tổng sản lượng điện sinh hoạt tiêu thụ: **536.319 kWh**

Hoạt động tiêu thụ điện năng của công ty chủ yếu đến từ các chi nhánh, cửa hàng bán lẻ, bán buôn và văn phòng làm việc. Công ty đánh giá cao vai trò bảo vệ môi trường bằng việc góp phần giảm thiểu lãng phí điện năng theo lời kêu gọi của nhà nước trong quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Một số cách thức tiết kiệm năng lượng đã và đang được thực hiện đồng bộ:

- » Tập thể công nhân viên và ban lãnh đạo cũng tham gia giữ trái đất với tinh thần tích cực ;
- » Sử dụng các thiết bị tối ưu năng lượng có hiệu suất cao;
- » Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các thiết bị tiêu thụ điện năng để tránh làm hao tổn điện năng;
- » Nhắc nhở và khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng điện một cách tiết kiệm.



Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- » Tổng số cán bộ công nhân lao động toàn công ty: **607 người**
- » Thu nhập bình quân đạt: **8.500.000 đồng/năm**

Về chính sách lương thưởng đối với người lao động

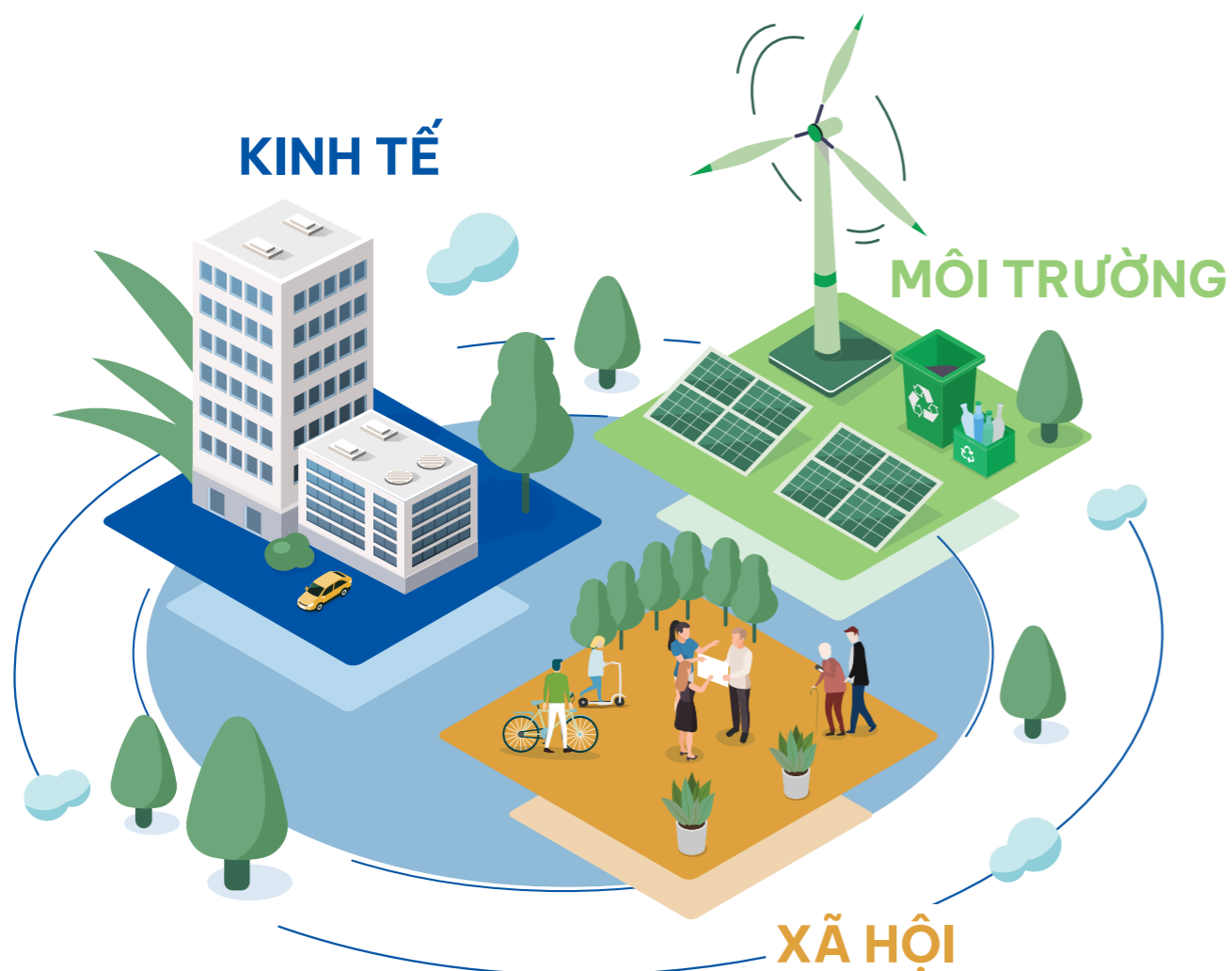
- » Ban lãnh đạo CAMEX luôn tâm niệm rằng đội ngũ cán bộ, nhân viên là nguồn tài sản quý giá nhất của công ty. Do vậy, việc xây dựng chính sách thù lao và tiền lương công bằng, minh bạch và cạnh tranh là yếu tố then chốt để thu hút, giữ chân và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao..
- » Mức thù lao và tiền lương của mỗi nhân viên được đánh giá dựa trên năng lực, hiệu suất công việc và đóng góp cho mục tiêu chung của công ty. CAMEX cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định của pháp luật về lao động và tiền lương.
- » Hơn nữa, CAMEX cũng áp dụng chế độ thưởng tháng 13, như một phần của nỗ lực nhằm tăng cường động viên và khích lệ tinh thần làm việc của tập thể nhân viên.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- » **Bảo vệ quyền lợi:** CAMEX đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi về bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp cho nhân viên.
- » **Sức khỏe và an toàn:** Công ty chú trọng bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động, tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện.
- » **Phúc lợi đa dạng:** Phụ cấp chi phí, khen thưởng, du lịch, dã ngoại,... góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân viên.
- » **Lắng nghe và cải thiện:** CAMEX luôn tiếp thu ý kiến đóng góp, nguyện vọng của nhân viên để hoàn thiện chính sách.

Hoạt động đào tạo người lao động

- » **Nâng cao năng lực:** CAMEX thường xuyên tổ chức đào tạo nội bộ về bán hàng, marketing,... cập nhật kiến thức, kỹ năng cho nhân viên.
- » **Đánh giá năng lực:** Xác định chất lượng công việc, thiết kế chương trình đào tạo phù hợp cho từng cá nhân.





Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về lượng khí thải và quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh. Kể từ khi thành lập đến nay, công ty chưa ghi nhận trường hợp nào bị cơ quan nhà nước xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Các thiết bị vận chuyển của Công ty đều phải tuân thủ các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải và không gây ô nhiễm môi trường. Công ty cam kết sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đồng thời xem xét và áp dụng những giải pháp tiết kiệm năng lượng để bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng luôn tuân thủ các quy định và chịu sự kiểm soát gắt gao bởi các cơ quan đăng kiểm Việt Nam để đảm bảo hoạt động kinh doanh được thực hiện một cách an toàn và hiệu quả.



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, CAMEX rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



PHẦN 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng quan hoạt động kinh doanh năm 2023

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu sản xuất, chính sách, quản lý năm 2023

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% TH2023/ TH2022	% TH2023/ KH2023
Tổng doanh thu	4.524.496	4.212.000	4.260.773	94,17%	101,16%
Lợi nhuận trước thuế	31.479	25.600	20.177	64,10%	78,82%
Lợi nhuận sau thuế	23.976	20.000	14.801	61,73%	74,00%

Trong năm qua, tình hình khó khăn của nền kinh tế đã gây nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết thúc năm 2023, doanh thu thuần của Công ty ghi nhận nhưng doanh thu Công ty vẫn vượt 1,16% kế hoạch đã đặt ra. Đây là sự nỗ lực đáng ghi nhận của Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên, tuy lợi nhuận trước thuế và sau thuế đã giảm mạnh, nên không đạt được mục tiêu đề ra khi chỉ lần lượt đạt 78,82% và 74,00% so với kế hoạch.



Đối với lĩnh vực bách hóa

Trong năm qua, tuy tình hình khó khăn của nền kinh tế nhưng doanh thu Công ty vẫn đạt được mục tiêu kinh doanh về doanh thu khi đã vượt 1,16% Đây là sự nỗ lực đáng ghi nhận của Ban lãnh đạo và toàn thể Công nhân viên, tuy lợi nhuận trước thuế và sau thuế đã giảm mạnh, nên không đạt được mục tiêu đề ra. Trong bối cảnh sức mua nội địa trầm lắng do giá cả thiết yếu tăng cao và tín dụng thắt chặt cùng với sự cạnh tranh gay gắt về giá nhằm giải phóng áp lực tồn kho, dẫn đến sụt giảm doanh thu chung của ngành bán lẻ. Tuy nhiên, xu hướng tiêu dùng tập trung vào hàng hóa thiết yếu, đặc biệt là các mặt hàng FMCG, đã giúp mảng bách hóa của công ty hạn chế ảnh hưởng với mức giảm nhẹ 4% trong năm 2023. Đây là thành tích đáng kể, khẳng định chất lượng sản phẩm và khả năng cung ứng hàng hóa của Công ty



Đối với xăng dầu

Trong năm qua, tuy tình hình khó khăn của nền kinh tế nhưng doanh thu Công ty vẫn đạt được mục tiêu kinh doanh về doanh thu khi đã vượt 1,16% Đây là sự nỗ lực đáng ghi nhận của Ban lãnh đạo và toàn thể Trong bối cảnh sức mua nội địa trầm lắng do giá cả thiết yếu tăng cao và tín dụng thắt chặt cùng với sự cạnh tranh gay gắt về giá nhằm giải phóng áp lực tồn kho, dẫn đến sụt giảm doanh thu chung của ngành bán lẻ. Tuy nhiên, xu hướng tiêu dùng tập trung vào hàng hóa thiết yếu, đặc biệt là các mặt hàng FMCG, đã giúp mảng bách hóa của công ty hạn chế ảnh hưởng với mức giảm nhẹ 4% trong năm 2023. Đây là thành tích đáng kể, khẳng định chất lượng sản phẩm và khả năng cung ứng hàng hóa của Công ty Điều này cũng gây tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty khi đây là hoạt động có tỷ trọng lớn thứ hai trong tổng doanh thu của CMV



Đối với các sản phẩm khác

Các sản phẩm kinh doanh khác cũng chịu tác động không nhỏ từ xu hướng thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng do khó khăn kinh tế. Nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng không thiết yếu như thiết bị công nghệ và thiết bị điện tử sụt giảm do xu hướng thắt chặt chi tiêu trước bối cảnh kinh tế khó khăn. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ khí của các công ty công nghiệp cũng ở mức thấp do thiếu đơn hàng và cơ chế chính sách phát triển liên quan đến ngành khí chưa được sửa đổi phù hợp với tình hình kinh tế trong năm.

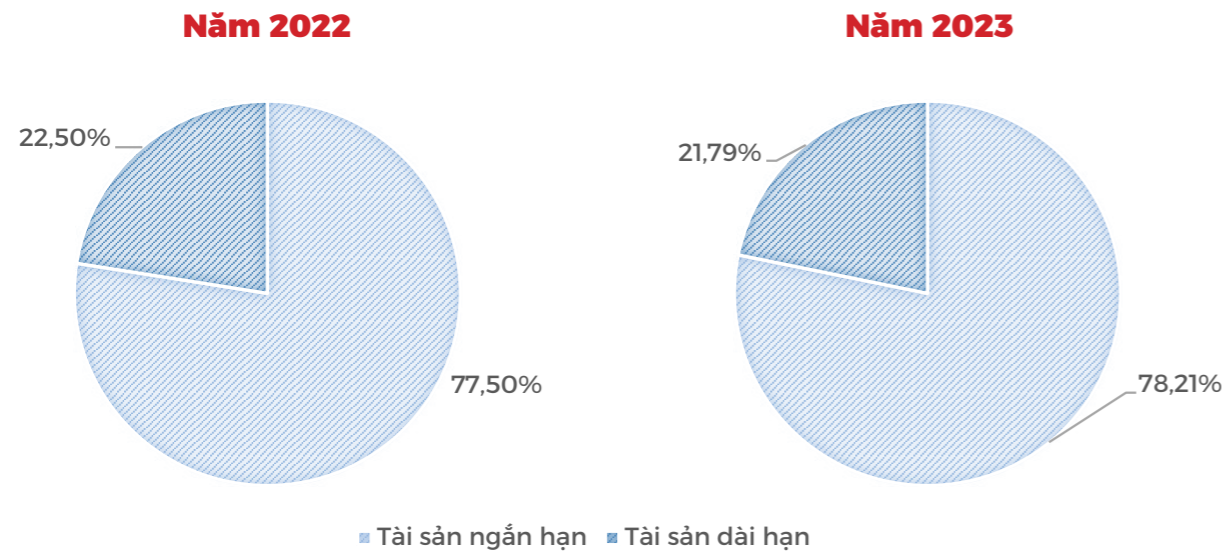
Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm vừa qua là một năm khó khăn của nền kinh tế, Công ty đã tận dụng mọi cơ hội có thể của thị trường để triển khai nhiều chiến lược kinh doanh hiệu quả. Đầu tiên, Công ty tập trung đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của khách hàng. Việc này giúp Công ty tiếp cận được nhiều đối tượng khách hàng tiềm năng hơn, từ đó gia tăng doanh số bán hàng. Tiếp theo, Công ty chú trọng tăng cường quan hệ khách hàng. Công ty triển khai nhiều chương trình chăm sóc khách hàng, khuyến mãi hấp dẫn để giữ chân khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới. Nhờ đó, Công ty đã xây dựng được thương hiệu uy tín và củng cố vị thế trên thị trường. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ, Công ty đã đạt được những thành công đáng khích lệ trong năm qua. Doanh thu bán hàng tăng trưởng mạnh mẽ, thị phần được mở rộng, và thương hiệu Công ty ngày càng được khẳng định.

Tình hình tài sản

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu	Năm 2022		Năm 2023		% 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	378.704	77,50%	415.221	78,21%	109,64%
Tài sản dài hạn	109.939	22,50%	115.699	21,79%	105,24%
Tổng tài sản	488.643	100%	530.920	100%	108,65%

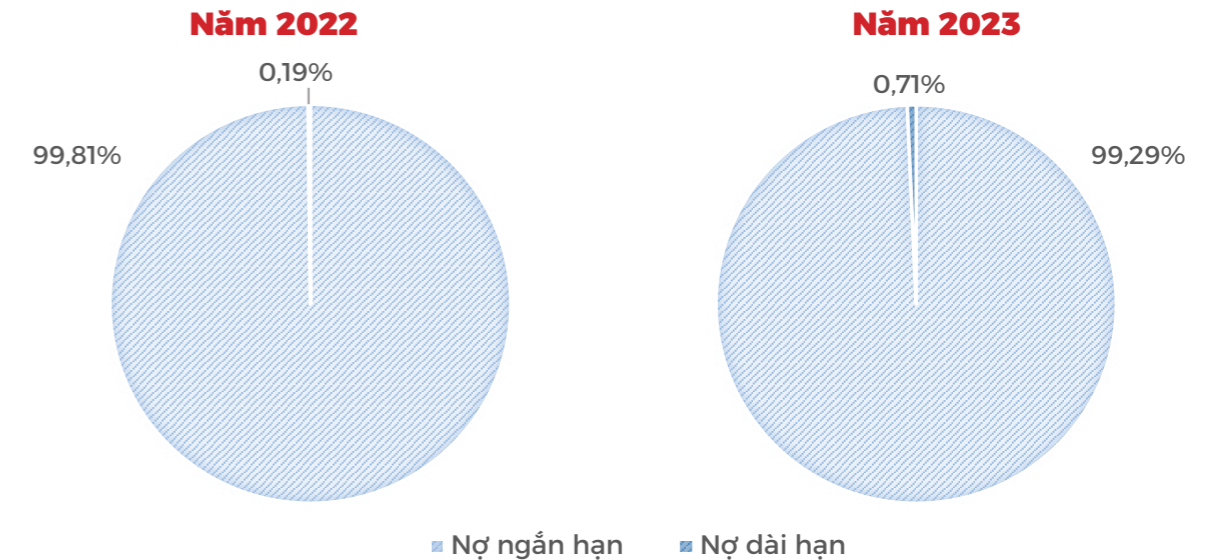


Tình hình tài sản của doanh nghiệp trong năm qua biến động không quá lớn khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất (78,21%) với mức tăng trưởng ấn tượng 9,64% so với năm trước. Vì đặc trưng của một doanh nghiệp bán lẻ nên hàng tồn kho vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất và ghi nhận mức tăng 13,7%. Nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng của người dân còn giảm, việc kinh tế khó khăn cũng là nguyên nhân chủ yếu cho việc cắt giảm chi tiêu không mang tính chất thiết yếu của người tiêu dùng, dẫn đến dự trữ hàng tăng lên so với thời điểm cùng kỳ. Trong năm, lượng tiền mặt trong doanh nghiệp tăng cao với 8,5% với tỷ lệ tăng là 66,4% đến từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và các khoản vay doanh nghiệp thực hiện để phục vụ quá trình hoạt động, đóng góp vào mức tăng chung của tài sản ngắn hạn.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu	Năm 2022		Năm 2023		% 2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	237.718	99,81%	284.034	99,29%	119,48%
Nợ dài hạn	450	0,19%	2.044	0,71%	454,32%
Tổng nợ phải trả	238.168	100%	286.078	100%	120,12%



Khoản nợ ngắn hạn của CMV vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất với 99,29% trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty và cũng ghi nhận mức tăng 19,48% đến từ khoản vay nợ tài chính ngắn hạn tăng lên đáng kể. Cấu trúc nợ tương đối ổn định, với nợ ngắn hạn chiếm phần lớn. Trong năm, Công ty đã vay vốn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam để đáp ứng nhu cầu tín dụng ngắn hạn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh. Do đó, khoản nợ vay ngắn hạn đã tăng so với đầu năm. Đồng thời các khoản phải trả người bán (chiếm tỷ trọng 18,2%) ghi nhận thời điểm 31/12/2023 giảm so với cùng kỳ, chủ yếu đến từ khoản phải trả cho công ty mẹ là Công ty TNHH TM & DV Long Hưng giảm.

NHỮNG CẢI TIẾN

CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CAMEX

Về cơ cấu tổ chức

Nhằm phát huy hết nguồn lực tiềm năng của công ty, trong năm 2023, ban lãnh đạo CMV có những thay đổi nhằm cải tiến cơ cấu tổ chức:

- » Thông qua bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ IV (2023 - 2027);
- » Bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát;
- » Thống nhất bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Long giữ chức vụ Tổng Giám đốc nhiệm kỳ IV (2023 - 2027);
- » Thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2023.

Về công tác quản lý hoạt động kinh doanh thương mại

- » Tiếp tục thực hiện chiến lược mở rộng và củng cố vị thế tại thị trường Cà Mau. Cùng với đó, tăng cường các hoạt động tiếp thị và xây dựng thương hiệu ở các địa phương khác thuộc khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long;
- » Lập kế hoạch quản lý nguồn cung nhiên liệu một cách hiệu quả, căn cứ vào diễn biến và những thay đổi của thị trường trong nước và quốc tế;
- » Thông qua chủ trương đóng mới tàu sắt vận chuyển xăng dầu thay thế các phương tiện gỗ vận chuyển xăng dầu tại công ty;

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2023	KH2024	% KH2024/TH2023
1	Tổng Doanh thu	4.260.773	4.250.000	99,75%
2	Lợi nhuận trước thuế	20.177	17.438	86,43%
3	Lợi nhuận sau thuế	14.801	13.950	94,25%

Kế hoạch đầu tư năm 2024


Tổng vốn đầu tư năm 2024: 21.230.085.000 đồng

- » Đầu tư mới phương tiện, cơ sở vật chất: 10.781.585.000 đồng
- » Sửa chữa, cải tạo kho và cửa hàng/chi nhánh: 4.956.500.000 đồng
- » Sửa chữa lớn các phương tiện vận tải: 440.000.000 đồng
- » Đầu tư các hạng mục đáp ứng yêu cầu về PCCC: 5.052.000.000 đồng

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

“ Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



A background image showing four business professionals in a meeting. A man with a beard is holding a tablet, and a woman is looking at it. The image is overlaid with a blue geometric shape containing text.

PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm qua chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố:

- » Biến động nguồn cung do nhiều đợt cắt giảm nguồn cung ảnh hưởng đến giá xăng dầu nên xuất hiện tình trạng thiếu hụt và giá xăng dầu tăng cao liên tục buộc Công ty phải điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để thích ứng.
- » Nhu cầu tiêu thụ dân dụng và công nghiệp giảm
- » Các nhà cung cấp liên tục cắt giảm hạn mức chiết khấu, khiến Công ty đối mặt với áp lực cạnh tranh lớn.

Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 20,42 tỷ đồng và 14,9 tỷ đồng, giảm so với năm 2023 do biến động kinh tế lớn trong năm. Mặc dù lợi nhuận giảm so với năm trước, Công ty vẫn hoàn thành mục tiêu doanh thu đề ra đầu năm. Trong bối cảnh giá cả thị trường tăng cao, Công ty đã chủ động tích trữ hàng tồn kho để quản lý chi phí hiệu quả.

Hội đồng quản trị ghi nhận tinh thần hướng đến cộng đồng và xã hội của công ty thông qua các hoạt động đóng góp cho cộng đồng tại địa phương, cũng như ý thức trách nhiệm chung trong việc bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng của ban giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên. Đây là những điểm sáng đáng khích lệ, thể hiện sự quan tâm của công ty đối với cộng đồng và môi trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2023, bao gồm:

- » **Điều hành và quản trị Công ty hiệu quả:** Ban Tổng Giám đốc đã duy trì hoạt động thống nhất, phân công công việc khoa học, tạo điều kiện cho các thành viên làm việc linh hoạt và hiệu quả. Nhờ vậy, Công ty đã đạt được nhiều thành tích tích cực trong năm 2023.
- » **Tìm kiếm và phát triển khách hàng, đối tác:** Ban Tổng Giám đốc đã có những chiến lược hiệu quả để thu hút khách hàng mới, giữ chân khách hàng cũ và phát triển mối quan hệ hợp tác với các đối tác tiềm năng.
- » **Thực hiện đúng và kịp thời** các chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị: Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- » **Công bố thông tin:** Hội đồng quản trị giám sát và chỉ đạo công tác công bố thông tin nhằm đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Việc này giúp cổ đông và nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát hoạt động của công ty.
- » **Lập kế hoạch kinh doanh và tài chính:** Hội đồng quản trị giám sát việc xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2023 cho công ty mẹ và các công ty con.
- » **Tổ chức Đại hội đồng cổ đông:** Hội đồng quản trị chủ trì và chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Với những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng quản trị, công ty đã đạt được những kết quả tích cực trong năm 2023, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch.





CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Trong năm kinh doanh tiếp theo, Hội đồng quản trị đặt mục tiêu kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	%KH2024/TH 2023
1	Vốn điều lệ	181.558	181.558	100,00%
2	Tổng doanh thu	4.260.773	4.250.000	99,75%
3	Lợi nhuận trước thuế	20.177	17.438	86,43%
4	Lợi nhuận sau thuế	14.801	13.950	94,25%

Năm 2024, Công ty tập trung triển khai, đưa ra phương án và giải pháp phù hợp để khẩn trương thực hiện việc phát hành hóa đơn theo từng lần bán hàng tại các Cửa hàng xăng dầu của Công ty theo nguyên tắc đảm bảo, tối ưu, hiệu quả và tuân thủ đúng quy định của Nhà nước và cơ quan thuế.

Kế hoạch đầu tư năm 2024

Tổng kế hoạch đầu tư, cải tạo, sửa chữa và hoàn thiện thủ tục phòng cháy chữa cháy (PCCC) năm 2023 với vốn đầu tư dự kiến: **21.230.085.000 đồng**, trong đó:

- » Đầu tư mới phương tiện, cơ sở vật chất: 10.781.585.000 đồng;
- » Sửa chữa, cải tạo kho và cửa hàng / Chi nhánh: 4.956.500.000 đồng;
- » Sửa chữa lớn các phương tiện vận tải: 440.000.000 đồng;
- » Đầu tư các hạng mục đáp ứng yêu cầu về PCCC tại các kho và cửa hàng: 5.052.000.000 đồng.

A photograph of two business professionals in a meeting. One person is holding a tablet, and the other is pointing at the screen. The scene is set in a modern office with a wooden table and a laptop. The image is partially obscured by a blue geometric overlay on the right side.

PHẦN 5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát



Cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT	647.419	3,57%
3	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	9.259.494	51%
4	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
5	Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT độc lập	-	-
6	Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	2.936.024	16,17%
7	Nguyễn Hoàng Bảo Long	Thành viên HĐQT	-	-

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2023

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT		27/05/2023
2	Nguyễn Hoàng Bảo Long	Thành viên HĐQT	28/11/2007	



Lý lịch Hội đồng quản trị



ÔNG NGUYỄN TUẤN QUỲNH

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân

Quá trình công tác:

1988 – 1992	Phòng tổ chức cán bộ Tổng kho xăng dầu Nhà Bè - Công ty xăng dầu Khu vực II
1993 – 2009	Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II
2009 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TM và DV Long Hưng
2010 – 2011	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty vận tải dầu khí Mekong
2011 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty vận tải dầu khí Mekong
05/2018 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Long Hưng

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ:

- » Cá nhân: Không có.
- » Đại diện sở hữu: 9.259.494 CP, chiếm 51 % VDL, là đại diện của Công ty TNHH TM DV Long Hưng

Lý lịch Hội đồng quản trị (tt)



BÀ NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1956

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

06/1975 - 08/1978	Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau
08/1978 - 11/1982	Kế toán trưởng cửa hàng Bách hóa tổng hợp thị xã Cà Mau
11/1982 - 2007	Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là CTCP Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó TGD, TGD Công ty)
11/2007 - 05/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm TGD CTCP Thương nghiệp Cà Mau
05/2018-30/06/2023	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm TGD CTCP Thương nghiệp Cà Mau
27/05/2023 - nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần In Bạc Liêu

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ:

- » Cá nhân: 647.419 CP chiếm 3,57% vốn điều lệ
- » Đại diện sở hữu: Không có



ÔNG NGUYỄN HOÀNG BẢO LONG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1995

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

27/05/2023 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
------------------	--

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty TNHH TM DV Long Hưng

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: Không có



BÀ NGUYỄN THỊ HIỀN

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Kinh tế đối ngoại

Quá trình công tác:

1992 - 1994	Nhân viên tại cửa hàng xăng dầu Petrolimex
1993-2009	Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II
2005 - đến nay	Giám đốc Công ty TNHH TM DV Long Hưng
05/2018 - đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH TM DV Long Hưng

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ:

- » Cá nhân: Không có
- » Đại diện sở hữu: 9.259.494 CP, chiếm 51% VDL, là đại diện của Công ty TNHH TM DV Long Hưng



ÔNG NGUYỄN VĂN CẢNH

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1961

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

24/06/2022 - nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
------------------	--

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: Không có

Lý lịch Hội đồng quản trị (tt)



ÔNG NGUYỄN VĂN KHÁNH

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn, Thạc sĩ Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

2006 - 2008	Phó phòng Tư vấn TCDN CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kho vận Thương mại Sài Gòn.
2008 - 2011	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
2008 - 2015	Phòng Tư vấn TCDN CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
2012 - đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
2015 - đến nay	Phó Giám đốc phụ trách CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
2020 - đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
2020 - đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- » Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn;
- » Phó Giám đốc phụ trách CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt;
- » Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: không có



ÔNG HOÀNG ANH DŨNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đầu tư Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Quá trình công tác:

9/1999 - 9/2000	Nhân viên Công ty TNHH Bình Minh tại Hà Nội
01/2022 - 9/2009	Chuyên viên, phó Ban, Trưởng Ban PTKD Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PetroSetco)
10/2009	Chủ tịch Hội đồng Liên doanh Nhà máy sản xuất vỏ bình khí PetroSetco
09/2011 - nay	Chuyên viên Chính 2, Phó Trưởng Ban Kế hoạch thuộc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP
06/2021 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó trưởng Ban Kế hoạch thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ:

- » Cá nhân: không
- » Đại diện sở hữu: 2.936.024 CP, chiếm 16,17% V&L, là đại diện của PVOIL tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị



Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- » Năm 2023, Hội đồng quản trị đã giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh thông qua việc đảm bảo chiến lược phù hợp với thực trạng nền kinh tế, giúp doanh nghiệp đạt mục tiêu đề ra, đồng thời đánh giá tính hiệu quả và kịp thời của các giải pháp, đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh.
- » Hội đồng quản trị đã luôn chú trọng và giám sát chặt chẽ công tác công bố thông tin của công ty với mục tiêu là đảm bảo tính minh bạch và rõ ràng về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Việc công bố thông tin chính xác và kịp thời giúp bảo vệ lợi ích cao nhất cho cổ đông và công ty, đồng thời tuân thủ luật pháp hiện hành. Việc công bố thông tin minh bạch sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát và kiểm soát hoạt động của công ty.
- » Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát các hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng nhiệm vụ được giao theo quy định của công ty, đồng thời thực hiện các Nghị quyết ban hành của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Việc chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm cũng được tổ chức cẩn thận, theo đúng quy trình để báo cáo kết quả hoạt động và kế hoạch phát triển của công ty cho cổ đông.



Các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%	
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	TV HĐQT	10/10	100%	
3	Nguyễn Thị Hiền	TV HĐQT	10/10	100%	
4	Nguyễn Văn Khánh	TV HĐQT độc lập	10/10	100%	
5	Nguyễn Văn Cảnh	TV HĐQT độc lập	10/10	100%	
6	Hoàng Anh Dũng	TV HĐQT	10/10	100%	
7	Nguyễn Hoàng Bảo Long	TV HĐQT	06/06	100%	Bỏ nhiệm ngày 27/5/2023
8	Phù Chí Anh	TV HĐQT	04/04	100%	Miễn nhiệm 27/5/2023

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2023, thành viên độc lập HĐQT nhận định chung như sau:

- » HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Nội dung các cuộc họp đều được các thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cẩn thận để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.
- » Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, mở rộng thị trường, đầu tư công nghệ và xây dựng hệ thống quản lý đều được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.
- » Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự họp.
- » HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện của các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty, định hướng phù hợp và chỉ đạo kịp thời đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
- » Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của BDH, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với BDH tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh đầu tư phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023.
- » Nhìn chung, năm 2023 mặc dù chịu ảnh hưởng rất lớn từ chiến tranh Nga-Ukraine, lạm phát các quốc gia tăng cao dẫn đến chính sách tiền tệ thắt chặt ở Mỹ và Châu Âu nhưng với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, HĐQT đã triển khai các giải pháp quyết liệt trong công tác giám sát, chỉ đạo BDH thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết HĐQT xây dựng và phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023, đảm bảo lợi ích cho Công ty và cổ đông.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia khóa học về quản trị công ty tổ chức trước đây.

Các nghị quyết của HĐQT năm 2023

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/2023/NQ-HĐQT	08/02/2023	<p>Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 (chưa kiểm toán);</p> <p>Thông qua dự kiến kế hoạch kinh doanh và kế hoạch chi cổ tức năm 2023 trình thông qua tại ĐHĐCĐ;</p> <p>Thông qua kế hoạch định biên lao động và quỹ lương năm 2023;</p> <p>Thông qua ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng năm 2023 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Cà Mau, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Viettinbank) - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - Chi nhánh Cà Mau;</p> <p>Thông qua việc tiếp tục dừng hoạt động Chi nhánh cửa hàng xăng dầu Đầm Dơi và cửa hàng xăng dầu Tân Tiến.</p>
02	02/2023/NQ-HĐQT	01/03/2023	<p>Thông qua việc lập và xây dựng định hướng quản trị doanh nghiệp trong thời đại 4.0;</p> <p>Khẩn trương, lên kế hoạch định hướng nhằm tập trung mọi nguồn lực sớm hoàn thành các thủ tục đất đai và các giấy tờ thủ tục phòng cháy chữa cháy. Phân công cụ thể một người trong ban điều hành phụ trách xử lý các thủ tục. Kế hoạch và nhân sự sẽ trình xin ý kiến thông qua trong kỳ họp HĐQT kế tiếp;</p> <p>Xây dựng đề án soát xét lại tài sản, cơ sở vật chất công ty để trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua, với mục tiêu đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty;</p> <p>Lập quy hoạch tổng thể hoạt động kinh doanh của công ty, phù hợp với tình hình thị trường hiện nay để trình xin ý kiến thông qua theo thẩm quyền HĐQT hoặc ĐHĐCĐ; Thống nhất thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 là ngày 27/05/2023.</p>

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
03	03/2023/NQ-HĐQT	27/03/2023	<p>Thông qua kết quả kinh doanh năm 2022 trình ĐHĐCĐ thông qua (số liệu đã được kiểm toán);</p> <p>Thông qua chi tạm ứng cổ tức năm 2022 là 5%;</p> <p>Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;</p> <p>Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.</p>
05	05/2023/NQ-HĐQT	17/05/2023	<p>Thông qua việc đề cử nhân sự tham gia thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ IV (năm 2023 - 2027) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>Thông qua báo cáo kết quả về việc thực hiện/ thực thi các nội dung trong Nghị quyết HĐQT nhiệm kỳ III (2018 - 2022);</p> <p>Thông qua tờ trình phương hướng kế hoạch năm 2023 và nhiệm kỳ IV (năm 2023 - 2027) để trình Đại hội đồng thông qua;</p> <p>Xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi Điều lệ CTCP Thương Nghiệp Cà Mau;</p> <p>Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh quý I năm 2023;</p> <p>Thông qua đơn từ nhiệm chức danh Tổng giám đốc CTCP Thương Nghiệp Cà Mau, đối với Bà Nguyễn Thị Việt Anh.</p>
06	06/2023/NQ-HĐQT	06/06/2023	<p>Bầu Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Thương Nghiệp Cà Mau nhiệm kỳ 2023 - 2027;</p> <p>Bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc, kế toán Trưởng CTCP Thương Nghiệp Cà Mau nhiệm kỳ IV từ ngày 01/07/2023.</p>
07	07/2023/NQ-HĐQT	04/07/2023	<p>Thông qua việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện thế chấp tài sản và phê duyệt các hợp đồng, giao dịch quan hệ tín dụng năm 2023 tại các Ngân hàng.</p>

Các nghị quyết của HĐQT năm 2023 (tt)

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
08	08/2023/NQ-HĐQT	26/07/2023	Thông qua việc đóng mới tàu sắt vận chuyển xăng dầu hoạt động kinh doanh tại công ty; Thông qua việc giải thể Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau - Chi nhánh cửa hàng xăng dầu Ngô Quyền.
09	09/2023/NQ-HĐQT	13/09/2023	Thông qua về việc chi 5% cổ tức còn lại năm 2023; Ghi nhận số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2023 (số liệu đã được kiểm toán); Thông qua việc sửa kho và mua mới 01 xe tải cho Chi nhánh Ngã Năm; Thông qua việc bổ nhiệm nhân sự kiểm toán nội bộ công ty.
10	10/2023/NQ-HĐQT	15/09/2023	Quyết định Điều chỉnh Dự án đầu tư Tổng kho xăng dầu Định Bình.
11	11/2023/NQ-HĐQT	08/11/2023	Thông qua cho công ty thực hiện mở thêm hạn mức tại ngân hàng; Thông qua việc thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư các phần đất hết hạn công ty; Thông qua việc đóng mới 01 (một) xe bồn vận chuyển xăng dầu hoạt động kinh doanh tại công ty; Thông qua Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023; Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương cho Công ty lập dự án trình UBND tỉnh Cà Mau xin chủ trương cho phép chuyển đổi cửa hàng Bách hóa Nguyễn Du sang cửa hàng xăng dầu Nguyễn Du; Thông qua Báo cáo quản trị về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (Sản lượng, doanh thu, lãi gộp, chi phí, lợi nhuận) quý 03 năm 2023; Thông qua kế hoạch Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị công ty.



Giới thiệu Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	110.000	0,61%
3	Ngô Thế Anh	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

Lý lịch Ban kiểm soát



ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị tài chính doanh nghiệp

Quá trình công tác:

1998 - 2022	Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Xây dựng Việt Pháp
2022 - 2006	Phụ trách kế toán khu vực miền Đông Nam Bộ - Công ty TNHH Công nghiệp Gốm Bạch Mã (White House)
2007 - 2021	Phó Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành Công ty TNHH Kỹ Thuật Tuệ Việt
9/2022 - nay	Phụ trách kế toán - Công ty TNHH TMDV Long Hưng
6/2023 - Nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- » Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Tuệ Việt
- » Kế toán trưởng Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Long Hưng

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: Không có



ÔNG TRẦN CHÍ HIẾU

TV Ban kiểm soát

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

09/1981 - 04/1997	Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau
05/1997 - 11/2007	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt
05/05/2018 - nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thương Nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ:

- » Cá nhân: 110.000 CP, chiếm 0,61% VDL
- » Đại diện sở hữu: Không



ÔNG NGÔ THẾ ANH

TV Ban kiểm soát

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

7/2006 - 5/2008	Nhân viên Ban Pháp chế - CTCP Tập đoàn Mai Linh
5/2008 - 2/2011	Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)
2018 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phiếu CMV đang nắm giữ: Không có

BAN KIỂM SOÁT (tt)

Những thay đổi trong ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Đỗ Cao Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	05/2019	27/05/2023
2	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	27/05/2023	

Hoạt động của Ban kiểm soát



Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

- » Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
- » Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết HĐQT trong công tác quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.
- » Giám sát hoạt động kinh doanh và kiểm tra tình hình tài chính của công ty năm 2023.
- » Thẩm tra các báo cáo tài chính quý.
- » Giám sát việc thực thi công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của công ty.



Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- » Trong năm 2023 Ban kiểm soát đã được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như các cuộc họp của Ban kiểm soát.
- » Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát của mình. Cử các cán bộ chủ chốt của công ty tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát để báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính, giải trình đầy đủ khi có yêu cầu.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	100%	
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%	
3	Ngô Thế Anh	Thành viên Ban kiểm soát	2/2	100%	



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng/năm

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ bản	Thù lao	Thưởng
Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000	-
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT	251.331.664	60.000.000	100.000.000
3	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-
4	Nguyễn Hoàng Bảo Long	Thành viên HĐQT (từ ngày 27/05/2023)	-	35.000.000	-
5	Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT (đến ngày 27/05/2023)	-	25.000.000	-
6	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT độc lập	-	60.000.000	-
7	Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-
8	Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT độc lập	-	60.000.000	-
Ban điều hành					
1	Nguyễn Hữu Long	Tổng Giám đốc	307.710.638	-	-
2	Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc	356.945.521	-	60.000.000
3	Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	354.712.223	-	60.000.000
4	Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng giám đốc	237.647.985	-	-
5	Nguyễn Thúy Ái	Kế toán trưởng	141.318.239	-	21.800.000
Ban kiểm soát					
1	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS (từ ngày 27/05/2023)	-	28.000.000	-
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	-	36.000.000	-
3	Ngô Thế Anh	Thành viên BKS	-	36.000.000	-
4	Đỗ Anh Sơn	Trưởng BKS (đến ngày 27/05/2023)	-	20.000.000	-
Tổng cộng			1.649.666.261	564.000.000	241.800.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS (tt)

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT, TGD, kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên không thực hiện giao dịch cổ phiếu nội bộ.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
-----	---------------------	-----------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	--

01	Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	Cổ đông lớn	0303937088	20 Nguyễn Thị Huỳnh, P8, Q.Phú Nhuận, TP HCM	Mua hàng với giá trị GD = 761.315.296.611 đồng.
----	---------------------------------	-------------	------------	--	---


Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Camex luôn đặt công tác quản trị lên hàng đầu và thực hiện nghiêm túc theo quy định pháp luật, điều lệ và quy chế nội bộ. Mục tiêu của công ty là đảm bảo quyền lợi và lợi ích cho cổ đông và các nhà đầu tư, đồng thời thúc đẩy hoạt động kinh doanh hiệu quả và minh bạch. Để đạt được mục tiêu này, Camex thực hiện một số giải pháp sau:

- » Tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính: Công ty đảm bảo công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và rõ ràng về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính
- » Hoàn thiện bộ máy quản trị: Ban lãnh đạo không ngừng hoàn thiện bộ máy quản trị phù hợp với bản sắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp.
- » Nâng cao năng lực quản trị: Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn để nâng cao năng lực quản trị cho các thành viên ban lãnh đạo.

Nhờ những giải pháp này, Camex đã xây dựng được một hệ thống quản trị hiệu quả và minh bạch, góp phần nâng cao giá trị cho cổ đông và các nhà đầu tư.

A background image showing four business professionals in a meeting. A man with a beard is holding a tablet, and a woman is looking at it. The image is overlaid with a blue geometric shape containing text.

PHẦN 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KIỂM TOÁN NĂM 2023

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty Mẹ và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu – Công ty con) (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”).

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 637/NĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu vào ngày 01 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

Mã chứng khoán : CMV.

Vốn điều lệ : 181.558.680.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 70 – 72 Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại : + 84-(290) 383 92 20

Fax : + 84-(290) 383 43 58

3. Cấu trúc Tập đoàn

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bách Việt (*)	Số 15B đường Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, ...	-	100,00%	-	100,00%	-	100,00%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san...	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

(*) Công ty TNHH MTV Bách Việt đã giải thể và sáp nhập vào Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau theo thông báo số 6178/23 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau về việc doanh nghiệp giải thể/ chấm dứt tồn tại Công ty TNHH MTV Bách Việt, địa chỉ 15B Lý Bôn, phường 4, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, mã số thuế: 2000489578. Và theo Biên bản xử lý tài chính về việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Bách Việt vào Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Lô B6, đường D1, KCN Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng; Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát; Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái/ bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch	27/5/2023	
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên	27/5/2023	
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	27/5/2023	
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	27/5/2023	
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên	27/5/2023	
Ông Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên	27/5/2023	
Ông Nguyễn Hoàng Bảo Long	Thành viên	27/5/2023	
Ông Phù Chí Anh	Thành viên		27/5/2023

5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái/ bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	27/5/2023	
Ông Đỗ Cao Sơn	Trưởng ban		27/5/2023
Ông Trần Chí Hiếu	Thành viên	27/5/2023	
Ông Ngô Thế Anh	Thành viên	27/5/2023	

5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Long	Tổng Giám đốc	01/7/2023	
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc		01/7/2023
Ông Phú Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thúy Ái	Kế toán trưởng		

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 là Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Tổng Giám đốc Công ty và từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Hữu Long – Tổng Giám đốc Công ty.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 59.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2020 thống nhất thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại công ty con là Công ty CP In Bạc Liêu. Và Công ty đang trong quá trình thực hiện.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2024.

TM. Hội đồng quản trị



NGUYỄN TUẤN QUYNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 2166/24/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con là Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2024, từ trang 08 đến trang 59, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

VIETVALUES

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn (Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và công ty con là Công ty Cổ phần In Bạc Liêu) tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Nguyễn Thị Ngọc Nga – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 0351-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền



Nguyễn Thị Bích Diễm - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 4721-2024-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		415.221.272.393	378.704.195.799
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	57.293.717.007	52.787.016.692
111	1. Tiền		53.293.717.007	49.287.016.692
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	3.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6.404.000.000	6.404.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	6.404.000.000	6.404.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		100.797.952.384	99.460.513.907
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	74.592.882.706	73.336.222.960
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	9.989.590.321	12.841.604.515
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	17.668.841.985	15.645.949.512
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.955.467.684)	(2.402.425.726)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	502.105.056	39.162.646
140	IV. Hàng tồn kho		249.579.661.167	219.457.616.494
141	1. Hàng tồn kho	V.8	249.579.661.167	219.457.616.494
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.145.941.835	595.048.706
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	366.440.056	517.694.844
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		651.268.289	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	128.233.490	77.353.862
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		115.698.789.573	109.938.692.764
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.396.996.000	3.054.437.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	5.396.996.000	3.054.437.000
220	II. Tài sản cố định		85.419.826.659	83.368.898.698
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	50.160.689.287	48.026.266.454
222	- Nguyên giá		162.990.799.971	155.314.890.170
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(112.830.110.684)	(107.288.623.716)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	35.259.137.372	35.342.632.244
228	- Nguyên giá		37.148.966.663	37.148.966.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.889.829.291)	(1.806.334.419)
230	III. Bất động sản đầu tư		1.270.439.214	1.094.957.400
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.270.439.214	1.094.957.400
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	1.270.439.214	1.094.957.400
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	4.550.890.600	4.709.486.100
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.499.577.200	8.499.577.200
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.948.686.600)	(3.790.091.100)
260	V. Tài sản dài hạn khác		19.060.637.100	17.710.913.566
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	18.638.468.340	17.710.913.566
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.13	422.168.760	-
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		530.920.061.966	488.642.888.563

ĐVT: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		286.078.382.025	238.167.694.354
310	I. Nợ ngắn hạn		283.817.538.225	237.717.694.354
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	51.634.174.650	75.335.459.596
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	101.634.467	333.522.795
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	2.859.273.073	3.629.697.594
314	4. Phải trả người lao động	V.17	7.635.255.387	12.214.225.277
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	5.246.817.270	3.535.205.168
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	886.809.309	706.156.400
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.20a	4.202.979.177	3.955.145.749
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21	206.542.626.606	134.495.671.982
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.22	4.707.968.286	3.512.609.793
330	II. Nợ dài hạn		2.260.843.800	450.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.20b	150.000.000	450.000.000
341	2. Dự phòng phải trả dài hạn	V.23	2.110.843.800	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		244.841.679.941	250.475.194.209
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.24	244.841.679.941	250.475.194.209
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.558.680.000	181.558.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.558.680.000	181.558.680.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.578.837.745	1.578.837.745
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.637.790.000	1.637.790.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		32.099.078.616	30.962.296.792
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.762.344.309	26.557.826.326
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.099.675.375	3.039.251.594
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		16.662.668.934	23.518.574.732
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		6.204.949.271	8.179.763.346
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		530.920.061.966	488.642.888.563


Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


QUÁCH DUY TÂM


NGUYỄN THÚY ÁI


CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
NGUYỄN HỮU LONG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	4.260.772.905.349	4.524.496.458.337
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	131.347.161	14.772.039
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.260.641.558.188	4.524.481.686.298
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	4.089.965.708.298	4.364.851.587.732
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		170.675.849.890	159.630.098.566
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	2.578.039.051	3.317.466.559
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	10.313.987.425	9.850.164.927
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		10.009.021.693	8.162.961.035
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	136.211.033.382	127.438.690.662
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	24.930.393.422	23.838.992.386
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.798.474.712	1.819.717.150
31	12. Thu nhập khác	VI.8	18.660.118.675	30.113.510.673
32	13. Chi phí khác	VI.9	281.561.715	454.576.056
40	14. Lợi nhuận khác		18.378.556.960	29.658.934.617
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		20.177.031.672	31.478.651.767
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	5.798.454.949	7.502.905.566
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.11	(422.168.760)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.800.745.483	23.975.746.201
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		16.662.668.934	23.417.696.822
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(1.861.923.451)	558.049.379
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.13a	826	1.161
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.13b	826	1.161

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









QUÁCH DUY TÂM

NGUYỄN THỦY ÁI

NGUYỄN HỮU LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		20.177.031.672	31.478.651.767
	2. Điều chỉnh các khoản		19.454.185.124	12.525.034.192
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.9-10	8.050.296.469	7.683.962.572
03	- Các khoản dự phòng	V.5-12	1.822.481.258	(560.585.139)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(427.614.296)	(2.761.304.276)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		10.009.021.693	8.162.961.035
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		39.631.216.796	44.003.685.959
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.184.284.796)	775.909.563
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.8	(30.122.044.673)	17.289.482.462
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(27.848.431.976)	(19.045.208.886)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.9	(776.299.986)	(4.545.798.696)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(9.906.158.732)	(8.103.774.704)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(5.094.941.891)	(7.753.058.854)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.22	(898.389.243)	(1.581.284.988)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(39.199.334.501)	21.039.951.856
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.12	(10.439.286.827)	(1.331.537.515)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.9	-	(5.909.092)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		675.563.988	1.072.067.707
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.763.722.839)	(265.378.900)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	V.24	-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.21	1.776.226.794.443	2.074.245.947.127
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.21	(1.704.179.839.819)	(2.051.991.924.803)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.24	(18.428.440.275)	(21.914.883.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		53.618.514.349	339.138.574
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		4.655.457.009	21.113.711.530
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		52.638.259.998	31.673.305.162
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	57.293.717.007	52.787.016.692

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









QUÁCH DUY TÂM

NGUYỄN THỦY ÁI

NGUYỄN HỮU LONG

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty mẹ và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu – Công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, có các đặc điểm hoạt động ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Do giá xăng, dầu cũng như lượng bán giảm nên doanh thu xăng dầu giảm so với năm trước.
- Do dư nợ và lãi suất tăng nên chi phí lãi vay tăng so với năm trước.

Điều này dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giảm so với năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (Xem thuyết minh IV.6b)

Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bách Việt (*)	Số 15B đường Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, ...	-	100,00%	-	100,00%	-	100,00%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thu, phường 3, Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san...	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

(*) Công ty TNHH MTV Bách Việt đã giải thể và sáp nhập vào Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau theo thông báo số 6178/23 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau về việc doanh nghiệp giải thể/ chấm dứt tồn tại Công ty TNHH MTV Bách Việt, địa chỉ 15B Lý Bôn, phường 4, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, mã số thuế: 2000489578. Và theo Biên bản xử lý tài chính về việc sáp nhập Công ty TNHH MTV Bách Việt vào Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau ngày 30 tháng 5 năm 2023.

6c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tập đoàn không có công ty con bị loại trong quá trình hợp nhất

6d. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

6e. Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

6f. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

6g. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6h. Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Lô B6, đường D1, KCN Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
3.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
4.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

6i. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

- Công ty TNHH MTV Bách Việt – Công ty con đã sáp nhập vào Công ty mẹ - Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị dẫn đến quỹ lương tăng lên so với năm trước.
- Doanh thu năm nay giảm 72% so với năm trước do Công ty không trúng gói thầu cung cấp vé số (giấy in, công in) thuộc dự toán in xổ số kiến thiết truyền thống Bạc Liêu 2023 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu, là doanh thu chính của Công ty các năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 665 nhân viên đang làm việc tại các công ty con trong Tập đoàn (số đầu năm là 683 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

4. Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Tập đoàn không phát sinh chiết khấu dòng tiền.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận

bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 49-50 năm.

Tiền thuê nhà trả trước

Tiền thuê nhà trả trước thể hiện khoản tiền thuê nhà đã trả cho phần nhà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 15 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền Bảo hiểm đã trả cho phần nhà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền Bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được Bảo hiểm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán

và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Quỹ lương

- Quỹ lương Công ty mẹ trích theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2023/BBH-HĐQT ngày 07 tháng 02 năm 2023 thông qua kế hoạch định biên lao động và quỹ lương năm 2023. Theo đó, Quỹ lương được trích theo đơn giá tiền lương 8.500.000 VND x 12 tháng x 630 người.
- Công ty con được trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2023 ngày 20 tháng 05 năm 2023 tổng quỹ lương kế hoạch năm 2023 là 5.976.000.000 VND. Công ty xác định quỹ lương năm 2023 với số tiền 4.860.000.000 VND. Số lượng lao động định biên không vượt quá 83 người. Số lao động thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 60 người, số lao động bình quân 12 tháng là 68 người.

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo luật lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của 06 tháng gần nhất tính đến trước ngày lập Báo cáo tài chính này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức chính thức.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là hàng bách hóa, xăng dầu,...

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán

20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty mẹ và các Công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

+ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

+ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Số liệu so sánh

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu, Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại cho phù hợp với tỷ lệ trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2023. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.180	1.161	(19)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.180	1.161	(19)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	34.141.637.479	31.362.510.071
Tiền gửi ngân hàng	19.152.079.528	17.924.506.621
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	3.500.000.000
Cộng	57.293.717.007	52.787.016.692

Tập đoàn không có tiền gửi ngân hàng phong tỏa, cầm cố để đảm bảo vay.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000	6.404.000.000

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với số tiền 1.404.000.000 VND được sử dụng để cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh V.21).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	8.499.577.200	(3.948.686.600)	4.550.890.600	8.499.577.200	(3.790.091.100)	4.709.486.100
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	21.500.000	-	21.500.000	21.500.000	-	21.500.000
Tổng Công ty CP TM KT & Đầu tư Petec	4.186.371.000	(3.309.226.600)	877.144.400	4.186.371.000	(3.010.200.100)	1.176.170.900
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	312.000.000	(182.593.800)	129.406.200	312.000.000	(162.986.800)	149.013.200
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	426.000.000	(207.000.000)	219.000.000	426.000.000	(325.260.000)	100.740.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	553.706.200	(249.866.200)	303.840.000	553.706.200	(291.644.200)	262.062.000
Cộng	8.499.577.200	(3.948.686.600)	4.550.890.600	8.499.577.200	(3.790.091.100)	4.709.486.100

(*) Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu, giá đóng cửa tại ngày 29/12/2023;

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.790.091.100)	(2.469.819.600)
Trích lập dự phòng	(681.201.400)	(1.495.350.100)
Hoàn nhập dự Phòng	522.605.900	175.078.600
Số cuối năm	(3.948.686.600)	(3.790.091.100)

Tập đoàn không có Đầu tư tài chính dài hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Cam kết góp vốn

Tập đoàn không có cam kết góp vốn trong tương lai.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu các khách hàng của nhóm hàng

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu các khách hàng khác	74.592.882.706		73.336.222.960	
Phải thu khách hàng Xăng dầu	4.292.992.260		3.993.008.723	
Phải thu khách hàng Bách hóa	67.455.712.651		65.994.690.667	
Phải thu khách hàng kim khí điện máy	2.035.256.001		2.445.364.517	
Các khách hàng khác	808.921.794		903.159.053	
Cộng	74.592.882.706		73.336.222.960	

Công ty Mẹ thế chấp toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
Trả trước cho các bên liên quan	2.124.000		2.050.654.146	
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng	-		2.050.654.146	
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – CN Cà Mau	2.124.000		-	
Trả trước cho các khách hàng khác	9.987.466.321		10.790.950.369	
Công ty TNHH XD - PCCC Oanh Liệt (*)	789.408.660		2.435.781.054	
Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan	2.348.277.025		118.048.573	
DNTN Thanh Vũ	1.693.222.300		-	
Các khách hàng khác	5.156.558.336		8.237.120.742	
Cộng	9.989.590.321		12.841.604.515	

(*) Là khoản ứng trước về việc thiết kế trình thẩm duyệt và cung cấp, thi công, lắp đặt hệ thống PCCC tại các cửa hàng, chi nhánh của Công ty.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	17.668.841.985		15.645.949.512	
Ký cược, ký quỹ	5.511.438.000	-	5.212.233.240	-
Tạm ứng	513.755.040	-	3.291.847.829	-
- Trần Công Đăng	234.079.340	-	2.840.681.957	-
- Cá nhân khác	279.675.700	-	451.165.872	-
Phải thu các khoản dự thưởng từ nhà cung cấp	11.265.638.738	-	6.323.748.452	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	75.336.164	-	58.429.479	-
Phải thu ngắn hạn khác	302.674.043	-	759.690.512	-
Cộng	17.668.841.985		15.645.949.512	

Trong đó:

Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Ký quỹ, ký cược

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
Phải thu về ký cược, ký quỹ các bên liên quan				
Phải thu về ký cược, ký quỹ các tổ chức và cá nhân khác	5.511.438.000		5.212.233.240	
Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Bạc Liêu	79.228.000		2.046.973.240	
Công ty CP HH Vedan Việt Nam	2.240.000.000		910.000.000	
Công ty CP Sữa Vinamilk Việt Nam tại Cần Thơ	532.000.000		490.000.000	
CN Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (VN)	407.960.000		369.740.000	
CN Công ty CP Acecook VN tại Tp Cần Thơ	973.000.000		350.000.000	
Các khách hàng khác	1.279.250.000		1.045.520.000	
Cộng	5.511.438.000		5.212.233.240	

5b. **Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký cược vỏ bia, nước giải khát và pallet.

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.396.996.000	-	3.054.437.000	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam (VBB)	4.935.685.000	-	2.672.520.000	-
Phải thu khác	461.311.000	-	381.917.000	-
Cộng	5.396.996.000	-	3.054.437.000	-

Tập đoàn không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

6. **Nợ xấu**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng bách hóa	1.987.596.684	32.129.000	2.452.678.026	50.252.300
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Trà Kha	394.000.000	-	465.000.000	-
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Hộ Phòng	318.770.000	-	341.370.000	20.005.000
Cửa hàng Bách Hóa An Minh	212.150.005	-	226.392.005	-
Cửa Hàng Công nghệ Thực phẩm Trà Kha	455.079.486	-	466.079.486	-
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Sóc Trăng	198.000.000	-	256.000.000	-
Khách hàng các cửa hàng, chi nhánh khác	409.597.193	32.129.000	697.836.535	15.247.300
Cộng	1.987.596.684	32.129.000	2.452.678.026	50.252.300

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.402.425.726)	(3.164.840.670)
Trích lập trong năm	(96.700.844)	-
Hoàn nhập dự phòng	543.658.886	762.414.944
Số dư cuối năm	(1.955.467.684)	(2.402.425.726)

7. **Tài sản thiếu chờ xử lý**

Là hàng tồn kho kiểm kê thiếu cuối năm đang chờ xử lý.

8. **Hàng tồn kho**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.650.638.589	-	2.297.322.908	-
Công cụ, dụng cụ	75.622.438	-	97.898.657	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	247.853.400.140	-	217.062.394.929	-
Cộng	249.579.661.167	-	219.457.616.494	-

Trong đó:

- Công ty không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.
- Công ty mẹ thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 96.544.259.001 VND (số đầu năm là 76.872.701.807 VND).

9. **Chi phí trả trước**

9a. **Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa xe, thay vỏ ruột xe	278.770.195	449.473.504
Chi phí bảo hiểm tài sản	24.777.573	28.646.929
Chi phí khác	62.892.288	39.574.411
Cộng	366.440.056	517.694.844

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	517.694.844	405.348.047
Tăng trong năm	1.572.821.636	2.112.772.454
Phân bổ trong năm	(1.724.076.424)	(2.000.425.657)
Số cuối năm	366.440.056	517.694.844

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	255.507.497	220.471.168
Tiền thuê đất (*)	5.823.463.121	6.049.650.557
Chi phí sửa chữa	12.379.008.337	10.928.009.729
Tiền thuê nhà	150.740.134	54.545.455
Chi phí khác	29.749.251	458.236.657
Cộng	18.638.468.340	17.710.913.566

(*) Theo các hợp đồng thuê đất, nhà kho:

- Hợp đồng thuê đất của Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – TV HĐQT (**), mục đích thuê xây kho cất chứa hàng bách hóa.
 - Hợp đồng thuê đất số 02/HĐKT-2019 ngày 05 tháng 01 năm 2019.
 - + Địa chỉ thuê: dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
 - + Theo Giấy chứng nhận số CP 544465 – CP 544466 – CP 544467 – CP 544468 – CP 544437 – CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019.
 - + Diện tích: 538,5 m²
 - + Giá trị hợp đồng: 4.440.000.000 VND
 - + Thời hạn hợp đồng thuê: 588 tháng (hết hạn ngày 31/12/2068).
 - Hợp đồng thuê đất số 174/HĐKT-2018 ngày 31 tháng 7 năm 2017
 - + Địa chỉ thuê: Dự án khu đô thị thứ Bảy, ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.
 - + Theo Giấy chứng nhận số CK 507114 – CK 507115 – CK 507116 do Ủy ban nhân dân huyện An Biên cấp ngày 25 tháng 08 năm 2017.
 - + Diện tích: 567,1 m²
 - + Giá trị hợp đồng: 1.077.490.000 VND.
 - + Thời hạn hợp đồng thuê: 180 tháng (hết hạn ngày 31 tháng 12 năm 2032)
- Và các hợp đồng thuê khác.

(**) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT Công ty ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang với diện tích 567,1 m², giá trị chuyển nhượng 1.077.490.000 VND.
2. Quyền sử dụng đất tại ấp 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu với diện tích 901,87 m², giá trị chuyển nhượng 7.770.000.000 VND.

Các Quyền sử dụng đất trên đã được chuyển quyền sở hữu cho Bà Nguyễn Thị Việt Ánh theo các Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chi tiết như sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
2. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
3. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
4. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
5. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
6. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
7. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507114 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
8. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507115 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
9. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507116 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189,1 m², thời hạn sử dụng lâu dài.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.710.913.566	13.277.461.667
Tăng trong năm	9.633.167.789	12.586.775.977
Phân bổ trong năm	(8.399.334.815)	(5.193.324.078)
Giảm khác	(306.278.200)	(2.960.000.000)
Số cuối năm	18.638.468.340	17.710.913.566

Công ty thế chấp tất cả Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên do Bà Nguyễn Thị Việt Anh được Công ty uỷ quyền đứng tên để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh mục V.21).

28.17;
NG T
HIỆM H
IN VÀ
ẤN V
P. MỘ

10. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	85.537.523.703	32.286.865.531	35.776.428.899	1.311.994.939	402.077.098	155.314.890.170
2. Tăng trong năm	7.298.373.734	-	2.965.431.279	-	-	10.712.017.013
Xây dựng cơ bản	7.298.373.734	-	-	-	-	7.298.373.734
Mua sắm TSCĐ	-	-	2.965.431.279	-	-	2.965.431.279
Tăng khác	448.212.000	-	-	-	-	448.212.000
3. Giảm trong năm	2.412.397.392	317.459.820	306.250.000	-	-	3.036.107.212
Giảm do thanh lý	2.412.397.392	317.459.820	306.250.000	-	-	3.036.107.212
4. Số cuối năm	90.871.712.045	31.969.405.711	38.435.610.178	1.311.994.939	402.077.098	162.990.799.971
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	14.251.774.243	22.871.514.892	8.550.898.322	1.311.994.939	357.640.734	47.343.823.130
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	54.402.766.898	27.851.072.975	23.329.704.806	1.311.994.939	393.084.098	107.288.623.716
2. Tăng trong năm	4.334.442.895	1.192.932.752	2.575.011.750	-	6.348.000	8.108.735.397
Tăng do khấu hao	4.102.866.695	1.192.932.752	2.575.011.750	-	6.348.000	7.877.159.197
Tăng khác	231.576.200	-	-	-	-	231.576.200
3. Giảm trong năm	1.943.538.609	317.459.820	306.250.000	-	-	2.567.248.429
Giảm do thanh lý	1.943.538.609	317.459.820	306.250.000	-	-	2.567.248.429
4. Số cuối năm	56.793.671.184	28.726.545.907	25.598.466.556	1.311.994.939	399.432.098	112.830.110.684
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	31.134.756.805	4.435.792.556	12.446.724.093	-	8.993.000	48.026.266.454
2. Tại ngày cuối năm	34.078.040.861	3.242.859.804	12.837.143.622	-	2.645.000	50.160.689.287
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 116.111.102 VND (Xem thuyết minh số V.21).

- Tập đoàn không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

11. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	849.221.480	849.221.480
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	957.112.939	849.221.480	1.806.334.419
2. Tăng trong năm	83.494.872	-	83.494.872
<i>Tăng do khấu hao</i>	83.494.872	-	83.494.872
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	1.040.607.811	849.221.480	1.889.829.291
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	35.342.632.244	-	35.342.632.244
2. Tại ngày cuối năm	35.259.137.372	-	35.259.137.372
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 17.911.646.188 VND (Xem thuyết minh số V.21).

- Không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản	1.094.957.400	8.222.712.825	(8.047.231.011)	1.270.439.214
Nhà kho Năm Căn	1.094.957.400	-	-	1.094.957.400
Công trình PCCC kho Trà Kha	-	175.481.814	-	175.481.814
Mua sắm TSCĐ	-	2.965.431.279	(2.965.431.279)	-
Cộng	1.094.957.400	8.222.712.825	(8.047.231.011)	1.270.439.214

Trong đó:

- Công ty không có chi phí xây dựng dở dang dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.
- Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí XD cơ bản dở dang trong năm với số tiền 0 VND.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	422.168.760	-	422.168.760
Cộng	-	422.168.760	-	422.168.760

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	15.488.939.995
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – Chi nhánh Cà Mau (Công ty mẹ)	-	15.488.939.995
Phải trả nhà cung cấp khác	51.634.174.650	59.846.519.601
Công ty TNHH Totalgas Việt Nam	10.984.104.431	8.821.545.544
CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ	7.208.769.409	7.208.769.409
Công ty CP Hữu hạn Vedan Việt Nam	4.845.635.522	7.094.701.694
Các khách hàng khác	28.595.665.288	36.721.502.954
Cộng	51.634.174.650	75.335.459.596

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác	101.634.467	333.522.795
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cà Mau	17.200.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Siêu thị Nam Phong Tây Đô	15.639.000	-
Các khách hàng khác	68.795.467	333.522.795
Cộng	101.634.467	333.522.795

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.372.914.399	11.311.828.366	(12.845.677.551)	-	839.065.214
Thuế thu nhập doanh nghiệp	61.957.178	1.244.862.209	5.798.454.949	(5.094.941.891)	127.800.000	2.005.919.059
Thuế thu nhập cá nhân	15.396.684	11.920.986	848.640.459	(846.272.645)	-	14.288.800
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	927.528.768	(927.528.768)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	790.592.559	(791.026.049)	433.490	-
Cộng	77.353.862	3.629.697.594	19.677.045.101	(20.505.446.904)	128.233.490	2.859.273.073

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 8%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Trong đó, thuế TNDN phải nộp của Công ty TNHH MTV Bách Việt – Công ty con phải nộp với số tiền 8.299.030 VND đã chuyển xử lý về công ty mẹ.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	7.635.255.387	12.214.225.277
Cộng	7.635.255.387	12.214.225.277

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả các bên liên quan	-	-
Chi phí phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.246.817.270	3.535.205.168
Chi phí lãi vay phải trả	210.197.337	162.036.618
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.036.619.933	3.373.168.550
Cộng	5.246.817.270	3.535.205.168

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan	-	-
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	886.809.309	706.156.400
Chênh lệch giữa giá bán hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay	677.718.400	706.156.400
Doanh thu trả trước tiền thuê nhà	209.090.909	-
Cộng	886.809.309	706.156.400

Công ty không có Hợp đồng có khả năng không thực hiện được.

20. Phải trả ngắn hạn khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	4.202.979.177	3.955.145.749
Phải trả về cổ phần hoá	216.502.269	216.502.269
Tài sản thừa chờ giải quyết	150.345.764	155.708.980
Kinh phí công đoàn	-	155.922.624
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.082.682.560	2.116.674.795
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.753.448.584	1.310.337.081
Cộng	4.202.979.177	3.955.145.749

20b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả tiền đặt cọc cho thuê nhà.

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	150.000.000	450.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	150.000.000	450.000.000
Cộng	150.000.000	450.000.000

20c. Nợ quá hạn thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	206.542.626.606	206.542.626.606	134.495.671.982	134.495.671.982
Vay ngắn hạn ngân hàng	206.542.626.606	206.542.626.606	134.495.671.982	134.495.671.982
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Cà Mau ⁽¹⁾	116.545.674.467	116.545.674.467	76.355.487.705	76.355.487.705
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau ⁽²⁾	89.996.952.139	89.996.952.139	58.140.184.277	58.140.184.277
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	206.542.626.606	206.542.626.606	134.495.671.982	134.495.671.982

⁽¹⁾ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 18-2023/HĐ-CMA-QLN ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau.

- Hạn mức cho vay: 120.000.000.000 VND (Hạn mức cho vay bao gồm cả dư nợ vay của khách hàng tại ngân hàng theo hợp đồng cho vay hạn mức số 149-2022/HDCV-CMA-QLN ký ngày 12 tháng 12 năm 2022).

- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án sử dụng vốn vay nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.

- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức

- Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ

- Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 2 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay/ từng lần nhận nợ

- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng

- Biện pháp đảm bảo (xem thuyết minh mục V.8, V.9, V.10, V.11 và VIII.7):

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 512589 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2008 cho Công ty, thửa đất số 775, tờ bản đồ số 05, địa chỉ khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 211,5 m² theo HĐTC số 44-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 01 tháng 6 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 537991 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 10 năm 2010 cho Công ty (đăng ký thay đổi ngày 04 tháng 6 năm 2018), thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.697,9 m² theo HĐTC số 54-2019/HD-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 487003 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 24 tháng 12 năm 2009 cho Công ty, thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.870 m² theo Hợp đồng thế chấp số 46-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 06 tháng 6 năm 2018.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406710 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 04 tháng 10 năm 2010 cho Công ty (đăng ký thay đổi ngày 10 tháng 12 năm 2010), thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ tại khu dân cư Đại Lộc, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m² theo HĐTC số 54-2019/HD-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406714 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 11 năm 2010 cho Công ty, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích: 874,2 m² theo HĐTC số 54-2019/HD-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Và căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m², diện tích sàn 362,7 m², nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 theo Hợp đồng thế chấp số 48-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 12 tháng 6 năm 2018.

+ Hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 87-2020/HĐTC-CMA-QLN ngày 16 tháng 3 năm 2020, cụ thể hàng hóa lưu tại các kho: Kho thuốc lá Bạc Liêu, Kho thuốc lá Cà Mau, Kho chi nhánh Kiên Giang, Kho Bách hóa An Minh, Kho Công nghệ thực phẩm Hộ Phòng, Kho Công nghệ thực phẩm Ngã Năm (3 kho), Kho hàng tiêu dùng Sóc Trăng, Kho hàng tiêu dùng Trà Kha, Kho hàng tiêu dùng Năm Căn.

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Ánh đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 460331 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 11, dự án lấn biển xây dựng đô thị mới thị xã Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 460332 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 12, dự án lấn biển xây dựng đô thị mới thị xã Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466641 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 13, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466642 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 14, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466643 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 15, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466644 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 16, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 155,5 m².

(2) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 86005000.010/2023-HĐCVHM/NHCT860-CTYTHUONGNGHIEP ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau.

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND (Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số 86005000.010/2022-HĐCVHM/NHCT860-CTY THƯƠNG NGHIỆP ngày 15/6/2022 ký giữa bên cho vay với bên vay theo liệt kê chi tiết tại Phụ lục I Hợp đồng này).

- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 đến ngày 14 tháng 6 năm 2024.
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 2 tháng.
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- Biện pháp đảm bảo (xem thuyết minh mục V2a, V.3, V.8, V.9, V.10, V.11, và VIII.7):

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.001/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 10 tháng 5 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất do Công ty đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X242685 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 02/02/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 24-2, tờ bản đồ số 31, địa chỉ phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 103,3 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất đất ở số 9110041271 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 23/02/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: 82/4, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 300 m² và quyền sở hữu nhà ở 102,24m².

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.014/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 22 tháng 10 năm 2020: thế chấp các quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất do Công ty đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số X046240 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 24/05/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 285, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 160 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất đất ở số 9110040735 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 10/04/2001, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 365, tờ bản đồ số 06, địa chỉ:

21
Y
N
U
HIỆP
CÁ

21
Y
N
U
HIỆP
CÁ

44/6, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 179,34 m² và quyền sở hữu nhà ở 180,91m².

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T959935 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 18/09/2001, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 99-1 và 99-2, tờ bản đồ số 22, địa chỉ 407 đường 23/8, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 1.600 m² (đất ở 300 m² và đất lập vườn 1.300 m²).
- + Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.002/2019/ HĐBĐ/NHCT860 ngày 27 tháng 6 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Anh đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 186, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 189, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 190, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m² theo HĐTC số 86005000.002/2019/ HĐBĐ/NHCT860 ngày 27 tháng 6 năm 2019.

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.006/2020/ HĐBĐ/NHCT860 ngày 26 tháng 6 năm 2020: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Anh – TGD đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019278 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019279 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 184, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019280 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019,

thửa đất số 185, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019281 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 182, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².

+ Toàn bộ quyền đòi nợ luân chuyển của Bên thế chấp đối với các bên thứ 3 có nghĩa vụ thanh toán với bên thế chấp phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 86005000.011/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 23 tháng 9 năm 2020.

+ Hàng hóa thế chấp là Hàng tồn kho theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 86005000.012/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 23 tháng 9 năm 2020, cụ thể hàng tồn kho tại các kho: Kho Bách hóa Nguyễn Du, Kho Bách hóa Phường 2 (CH), Kho Bách hóa Phường 3 (CH), Kho Bách hóa Phường 8 (CH), Kho Điện máy Cà Mau 1 (lè), Kho Nông ngư cơ Cà Mau, Kho thực phẩm Cà Mau (CH), Kho xăng dầu Cái Nai, Kho xăng dầu phường 4 (CH), Tổng kho Định Bình.

+ Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 86005000.003/2022/HĐBĐ/NHCT860 ngày 31/3/2022 trị giá 1.404.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	134.495.671.982	1.776.226.794.443	(1.704.179.839.819)	206.542.626.606
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Cà Mau	76.355.487.705	1.055.342.017.419	(1.015.151.830.657)	116.545.674.467
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau	58.140.184.277	720.884.777.024	(689.028.009.162)	89.996.952.139
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	-	-	-
Cộng	134.495.671.982	1.776.226.794.443	(1.704.179.839.819)	206.542.626.606

21b. Vay quá hạn

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận ^(*)	Chi quỹ trong năm	Hoàn nhập PP năm trước	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.665.378.420	1.000.000.000	(53.870.243)	(124.010.973)	2.487.497.204
Quỹ phúc lợi	1.847.231.373	1.341.769.682	(844.519.000)	(124.010.973)	2.220.471.082
Quỹ thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	-
Cộng	3.512.609.793	2.341.769.682	(898.389.243)	(248.021.946)	4.707.968.286

(*) Chi tiết Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng lợi nhuận trong năm:

Chi tiết	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Tập đoàn	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Quỹ khen thưởng	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Quỹ phúc lợi	1.341.769.682	-	1.341.769.682
Quỹ thưởng Ban Điều hành	-	-	-
Cộng	2.341.769.682	-	2.341.769.682

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	2.150.613.400	(39.769.600)	-	2.110.843.800
Cộng	-	2.150.613.400	(39.769.600)	-	2.110.843.800

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	181.558.680.000	1.578.837.745	1.637.790.000	30.928.193.775	27.500.314.568	7.957.593.842	251.161.409.930
Tăng trong năm trước	-	-	-	34.103.017	23.417.696.822	558.049.379	24.009.849.218
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(24.360.185.064)	(335.879.875)	(24.696.064.939)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	181.558.680.000	1.578.837.745	1.637.790.000	30.962.296.792	26.557.826.326	8.179.763.346	250.475.194.209
Tăng trong năm	-	-	-	1.170.884.841	16.702.294.919	(1.861.923.451)	16.011.256.309
Tăng từ KQKD	-	-	-	1.170.884.841	16.662.668.934	(1.861.923.451)	14.800.745.483
Tăng do phân phối	-	-	-	-	-	-	1.170.884.841
Tăng do sáp nhập	-	-	-	-	39.625.985	-	39.625.985
Giảm trong năm	-	-	-	(34.103.017)	(21.497.776.936)	(112.890.624)	(21.644.770.577)
Giảm do phân phối	-	-	-	-	(21.668.522.523)	(224.270.000)	(21.892.792.523)
Hoàn nhập PP năm trước	-	-	-	(34.103.017)	170.745.587	111.379.376	248.021.946
Số dư cuối năm	181.558.680.000	1.578.837.745	1.637.790.000	32.099.078.616	21.762.344.309	6.204.949.271	244.841.679.941

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

24b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	51,00%	92.594.940.000	51,00%	92.594.940.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16,17%	29.360.240.000	16,17%	29.360.240.000
Các cổ đông khác	32,83%	59.603.500.000	32,83%	59.603.500.000
Cộng	100,00%	181.558.680.000	100,00%	181.558.680.000

24c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	181.558.680.000	181.558.680.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	181.558.680.000	181.558.680.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.155.868.000	21.787.041.600

24d. Cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.155.868	18.155.868
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.155.868	18.155.868
Cổ phiếu phổ thông	18.155.868	18.155.868
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.155.868	15.187.922
Cổ phiếu phổ thông	18.155.868	15.187.922
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

24e. Cổ tức

Cổ tức được chia theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 là 10%, tương đương 18.155.868.000 VND (tỷ lệ chia cổ tức năm trước là 12%, tương đương 21.787.041.600 VND).

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	(18.428.440.275)	(21.914.883.750)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	(18.428.440.275)	(21.914.883.750)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

24f. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	26.557.826.326
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.662.668.934
Tăng do sáp nhập	39.625.985
Phân phối trong năm:	(21.497.776.936)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.341.769.682)
- Quỹ đầu tư phát triển	(1.170.884.841)
- Chia cổ tức năm 2022	(18.155.868.000)
- Hoàn nhập phân phối năm trước	170.745.587
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	21.762.344.309

24g. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.179.763.346	7.957.593.842
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(1.861.923.451)	558.049.379
Giảm do chia cổ tức, trích quỹ	(224.270.000)	(335.879.875)
Hoàn nhập phân phối năm trước	111.379.376	-
Số cuối năm	6.204.949.271	8.179.763.346

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	-	15.668.604.129	-	15.748.604.129
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng bách hóa	3.083.751.417.915	3.198.507.374.666
Doanh thu bán xăng dầu	784.415.984.221	966.146.718.290
Doanh thu khác	392.605.503.213	359.842.365.381
Cộng	4.260.772.905.349	4.524.496.458.337

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	131.347.161	14.772.039
Cộng	131.347.161	14.772.039

3. Giá vốn bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng bách hóa	2.979.763.077.116	3.091.731.829.542
Giá vốn hàng bán xăng dầu	747.541.341.538	941.390.396.789
Giá vốn khác	362.661.289.644	331.729.361.401
Cộng	4.089.965.708.298	4.364.851.587.732

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	1.690.168.063	2.348.089.629
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	660.371.988	666.066.756
Lãi bán hàng trả chậm	212.307.000	237.407.771
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.192.000	60.000.000
Doanh thu tài chính khác	-	5.902.403
Cộng	2.578.039.051	3.317.466.559

5. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	10.009.021.693	8.162.961.035
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	158.595.500	1.320.271.500
Chi phí tài chính khác	146.370.232	366.932.392
Cộng	10.313.987.425	9.850.164.927

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	88.506.792.596	83.073.633.623
Chi phí vật liệu, bao bì	-	355.516.087
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.048.886.111	1.771.237.377
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.655.087.301	6.059.306.974
Chi phí mua ngoài	30.538.775.240	28.018.318.710
Chi phí khác bằng tiền	8.461.492.134	8.160.677.891
Cộng	136.211.033.382	127.438.690.662

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	12.102.345.351	14.057.640.842
Chi phí vật liệu quản lý	163.105.194	214.909.468
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.940.780	116.940.780
Thuế, phí, lệ phí	1.601.008.043	1.908.493.990
Chi phí dự phòng	(446.958.042)	(756.957.777)
Chi phí mua ngoài	3.124.411.934	2.807.637.762
Chi phí khác bằng tiền	8.269.540.162	5.490.327.321
Cộng	24.930.393.422	23.838.992.386

8. Thu nhập khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu từ các khoản thưởng, hỗ trợ	18.513.903.675	28.965.139.264
Thu từ thanh lý tài sản	-	1.009.090.908
Thu từ các khoản nợ đã xóa	80.000.000	76.325.000
Thu nhập khác	66.215.000	62.955.501
Cộng	18.660.118.675	30.113.510.673

9. Chi phí khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý TSCĐ	247.949.692	-
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp về thuế	33.612.020	454.331.372
Chi phí khác	3	244.684
Cộng	281.561.715	454.576.056

10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.177.031.672	31.478.651.767
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	8.815.243.072	4.894.618.688
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>5.581.861.723</i>	<i>4.954.618.688</i>
Chi phí không được trừ khi xác định TN chịu thuế	70.612.020	564.175.335
Tiền thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	420.500.000	562.500.000
Chi phí lãi vay không được trừ (*)	2.913.243.583	3.827.943.353
DP trợ cấp thôi việc	2.150.613.400	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>3.260.274.069</i>	<i>(60.000.000)</i>
Cổ tức được chia	(15.192.000)	(60.000.000)
Hoàn trợ cấp thôi việc do đã chi ra	(39.769.600)	-
Lỗ của Công ty con không tính thuế	3.315.235.669	-
Thu nhập chịu thuế	28.992.274.744	36.373.270.455
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.798.454.949	7.274.654.092
Chi phí thuế TNDN truy thu Công ty con	-	227.798.845

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.798.454.949	7.502.905.566

(*) Là chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a, khoản 3, điều 16 của Nghị định 132/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020.

11. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(422.168.760)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	(422.168.760)	-

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	104.993.625.163	106.098.382.619
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.178.533.753	23.921.874.711
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.050.296.469	7.683.962.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.708.189.706	54.020.125.410
Chi phí khác bằng tiền	17.796.738.194	13.697.545.248
Cộng	191.727.383.285	205.421.890.560

13. Lãi trên cổ phiếu

13a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.662.668.934	23.417.696.822
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(1.666.043.013)	(2.341.455.041)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.666.043.013)	(2.341.455.041)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.996.625.921	21.076.241.781
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.155.868	18.155.868
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	826	1.161

(*) Tập đoàn tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2023 (tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 10%). Các khoản tạm trích này sẽ được điều chỉnh lại theo số trích thực tế khi có Nghị Quyết chính thức của Đại hội cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.155.868	18.155.868
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
...	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.155.868	18.155.868

13b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.996.625.921	21.076.241.781
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.996.625.921	21.076.241.781
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.155.868	18.155.868
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	826	1.161

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.155.868	18.155.868
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
...	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.155.868	18.155.868

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tập đoàn không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.21).

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.21).

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Tập đoàn không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nợ tiềm tàng

Tập đoàn không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.119.545.455	2.640.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	7.036.363.636	2.477.272.727
Trên 5 năm	-	-
Cộng	9.155.909.091	5.117.272.727

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 0 VND (năm trước là 0 VND).

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Ban điều hành		
Nguyễn Hữu Long – TGD		
- Tạm ứng	100.000.000	-
- Hoàn ứng	(100.000.000)	-
Lưu Hoàng Thống – P.TGD		
- Tạm ứng	-	-
- Hoàn ứng	-	(451.175.000)

Cam kết bảo lãnh

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,.... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - thành phố Cà Mau- tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*)

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.649.666.261	2.166.067.496
Thù lao	585.000.000	648.000.000
Tiền thưởng	241.800.000	199.577.611
Cổ tức	920.210.000	1.097.785.000
Khác	-	-
Cộng	3.396.676.261	4.111.430.107

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiết	Năm nay	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
Hội đồng quản trị	251.331.664		251.331.664	428.000.000	100.000.000	654.809.000	1.434.140.664
Nguyễn Tuấn Quỳnh		Chủ tịch HĐQT		84.000.000	-	-	84.000.000
Nguyễn Thị Việt Anh		Thành viên HĐQT	251.331.664	69.000.000	100.000.000	654.809.000	1.075.140.664
Nguyễn Thị Hiền		Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Nguyễn Văn Khánh		Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Hoàng Anh Dũng		Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Nguyễn Văn Cảnh		Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	-	60.000.000
Nguyễn Hoàng Bảo Long		Thành viên HĐQT	-	35.000.000	-	-	35.000.000
Ban Kiểm soát				126.000.000		110.000.000	236.000.000
Nguyễn Anh Tuấn		Trưởng BKS	-	28.000.000	-	-	28.000.000
Trần Chí Hiếu		Thành viên BKS	-	42.000.000	-	110.000.000	152.000.000
Ngô Thế Anh		Thành viên BKS	-	36.000.000	-	-	36.000.000
Đỗ Cao Sơn		Trưởng BKS	-	20.000.000	-	-	20.000.000
Ban Điều hành	1.398.334.597		1.398.334.597	31.000.000	141.800.000	155.401.000	1.726.535.597
Nguyễn Hữu Long		Tổng Giám đốc	307.710.638	-	-	-	307.710.638
Phù Chí Anh		Phó Tổng Giám đốc	356.945.521	31.000.000	60.000.000	124.945.000	572.890.521
Trần Thị Trúc Linh		Phó Tổng Giám đốc	354.712.223	-	60.000.000	30.456.000	445.168.223
Nguyễn Hoàng Hà My		Phó Tổng Giám đốc	237.647.985	-	-	-	237.647.985
Nguyễn Thủy Ai		Kế toán trưởng	141.318.230	-	21.800.000	-	163.118.230
Cộng	1.649.666.261		1.649.666.261	585.000.000	241.800.000	920.210.000	3.396.676.261

Năm trước	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
Hội đồng quản trị		1.516.478.175	504.000.000	162.577.611	929.237.800	3.112.293.586
Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000	28.000.000	-	112.000.000
Nguyễn Thị Việt Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	996.504.186	96.000.000	21.577.611	784.292.800	1.898.374.597
Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	22.000.000	-	82.000.000
Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	22.000.000	-	82.000.000
Dương Xuân Phát	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	25.000.000	-	55.000.000
Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	519.973.989	84.000.000	22.000.000	144.945.000	770.918.989
Nguyễn Văn Khanh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	22.000.000	-	82.000.000
Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	-	30.000.000
Ban Kiểm soát		-	144.000.000	37.000.000	132.000.000	313.000.000
Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	-	48.000.000	15.000.000	-	63.000.000
Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	-	60.000.000	11.000.000	132.000.000	203.000.000
Ngô Thế Anh	Thành viên BKS	-	36.000.000	11.000.000	-	47.000.000
Ban Điều hành		649.589.321	-	-	36.547.200	686.136.521
Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	513.724.059	-	-	36.547.200	550.271.259
Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	81.448.364	-	-	-	81.448.364
Nguyễn Thị Thúy Ái	Kế toán trưởng	54.416.898	-	-	-	54.416.898
Cộng		2.166.067.496	648.000.000	199.577.611	1.097.785.000	4.111.430.107

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

56

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đê Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt
- Và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	761.315.296.611	764.154.161.270
Trả tiền mua hàng	(774.755.706.460)	(772.159.900.831)

Cam kết bảo lãnh

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

5. Chi phí vốn hoá

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

6. Báo cáo theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau

6a. Theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết	Hoạt động xăng dầu	Hoạt động bách hóa	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	784.415.984.221	3.083.751.417.915	392.474.156.052	4.260.641.558.18
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	747.541.341.538	2.979.763.077.116	362.643.139.644	4.089.965.708.29
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.874.642.683	103.988.340.799	29.812.866.408	170.675.849.89
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	966.146.718.290	3.198.507.374.666	359.827.593.342	4.524.481.686.29
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	941.390.396.789	3.091.731.829.542	331.729.361.401	4.364.851.587.73
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.756.321.501	106.775.545.124	28.098.231.941	159.630.098.56

6b. Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Tập đoàn toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

- Tập đoàn cầm cố số tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 1.404.000.000 VND để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương – CN Cà Mau (xem thuyết minh số V.2a, V.21).
- Tập đoàn thế chấp khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh mục V.3, V.21).
- Tập đoàn thế chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.11 và V.21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 17.911.646.188 VND (số đầu năm là 17.922.438.052 VND).
- Tập đoàn thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.8, V.21). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 96.544.259.001 VND (số đầu năm là 76.872.701.807 VND).
- Tập đoàn thế chấp tài sản cố định hữu hình là căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m², diện tích sàn 362,7 m², nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 để đảm bảo cho khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.10, V.21). Giá

trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 116.111.102 VND (số đầu năm là 179.444.438 VND).

- Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình (Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Cà Mau (xem thuyết minh số V.9, V.21).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

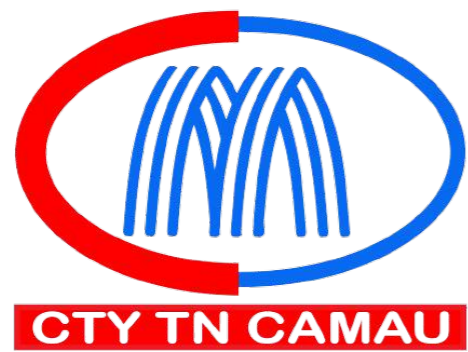
9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2020 thống nhất thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại công ty con là Công ty CP In Bạc Liêu. Và Công ty đang trong quá trình thực hiện.

Cà Mau, ngày 22 tháng 3 năm 2024.

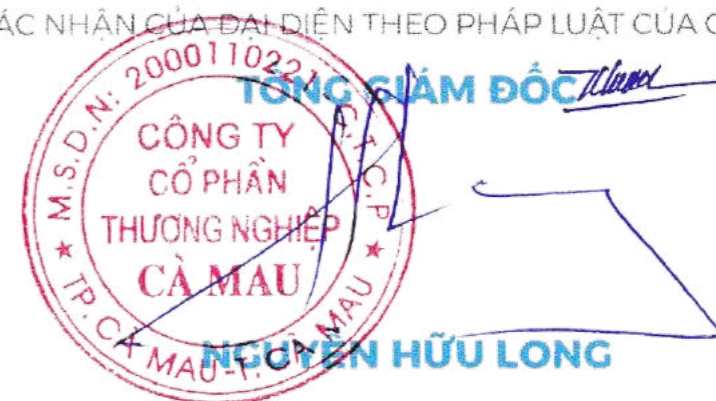
Người lập biểu: QUÁCH DUY TÂM
Kế toán trưởng: NGUYỄN THÚY ÁI
Tổng Giám đốc: NGUYỄN HỮU LONG





Cà Mau, ngày 11 tháng 04 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY





CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU



Số 70-72 Đề Thám, phường 2, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau



(0290) 3 822 772 - 3 839 220



tncm@tncm.com.vn



www.tncm.com.vn